

慧  
感  
文集



HUỆ KHÀI

CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI

NXB HỒNG ĐỨC

HUỆ KHÀI KẾT TẬP

CON ĐƯỜNG  
ĐẾN VỚI CAO ĐÀI



Sách ấn tống. Không bán.

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

CON ĐƯỜNG  
ĐẾN VỚI CAO ĐÀI



Huệ Khải, ký họa bút chì. (Họa sĩ Bửu Long)

Quyển 115-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo  
kỷ niệm mười năm phổ thông giáo lý (tháng 6-2008 / tháng 6-2018)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

**HUỆ KHẢI** kết tập

# CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI

*Hiệp tuyển – In lần thứ nhất*

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**  
Hà Nội 2018



Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo  
ấn tống lần thứ nhất ba ngàn quyển  
do quý môn sanh Chiếu Minh Long Vân Đàn (Mỹ Tho):  
\* hiền huynh **THANH TÂM**  
công quả 13.000.000 đồng (đợt 85, 88, 90).  
\* hiền huynh **TRẦN VĂN DANH**  
công quả 10.000.000 đồng (đợt 91).

Kính thành hồi hướng cửu huyền thất tổ,  
hiệp tâm cầu nguyện quốc thái dân an,  
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoàng dương,  
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,  
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

## ĐÔI LỜI THA THIẾT

Kinh điển và các sách truyền bá văn hóa đạo đức được  
ấn tống để kính biếu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng  
vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để  
không phụ lòng các bậc mạnh thường quân ấy, xin quý vị  
trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng  
người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết  
ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

BAN ẤN TỐNG

## NỘI DUNG

## GIAO CẢM

<i>Giao Cảm</i>	6
1. Ba lần nằm mộng – <b>Huệ Khải</b>	9
2. Cô giáo Hà Nội tìm Đạo – <b>Huệ Khải</b>	29
3. Cựu sĩ quan tìm Thầy – <b>Phạm Văn Liêm</b>	37
4. Giấc mộng lạ kỳ – <b>Nguyễn Ngọc Thu</b>	43
5. Khổ nạn và hồng ân – <b>Nguyễn Thanh Tài</b>	49
6. Lá rụng về cội – <b>Diệu Nguyên</b>	63
7. Ơn Thầy soi lối – <b>Huệ Khải</b>	67
8. Tôi vào đạo Cao Đài – <b>Kha Chơn Tâm</b>	73
9. Trở về chánh đạo – <b>Trần Dã Sơn</b>	85
10. Vì sao tôi vào đạo Cao Đài – <b>Nguyễn Văn Nghĩa</b>	105

Bìa 1: Cúng thời trong thánh thất tạm ở Tây Ninh (1930)  
– ảnh của **Walter Bosshard** (1892-1975),  
nhiếp ảnh gia kiêm ký giả Thụy Sĩ.

Bìa 4: Huệ Khải văn tập 慧啓文集  
– thư pháp của **Trương Lộ** 張路.

Thầy đã đưa tay đến với các con,  
các con phải đưa tay tới với Thầy.  
Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy  
và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một,  
sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.

Đức **HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ**  
*Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam*  
*Tuất thời, 30-12 Giáp Dần (Thứ Hai 10-02-1975)*

Tín hữu Cao Đài gồm hai thành phần. Một, những người “đạo dòng”, có nghĩa cha mẹ, ông bà của họ vốn đã theo đạo Cao Đài từ trước. Hai, những vị tạm gọi là “tân tông”, bởi lẽ sinh trưởng trong những gia đình chưa có ai theo Cao Đài, và chính họ chẳng ngờ sẽ có ngày mình trở thành người con áo trắng.

Dù thuộc thành phần nào chẳng nữa, tất cả rồi cũng được nắm lấy tay Thầy. Mỗi người con của Thầy đến với Thầy theo một cách khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau. Mỗi người đều có một trải nghiệm tâm linh riêng, chẳng ai giống ai; nhưng tất cả vẫn có cùng một tương đồng, cùng một điểm chung – *Ơn Thầy dìu dắt!*



Kể từ khi Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo ra đời (2008), người chủ biên vẫn khao khát sẽ dần dần thu thập được nhiều bài viết của đồng đạo gần xa kể lại trường hợp nào mình gõ cửa Cao Đài để làm đứa con nhỏ nhất của Thầy của Mẹ.

Giờ đây, với mười bài viết tạm thời kết tập như một mở đầu, ước mong quý bạn đọc sẽ được truyền cảm hứng để không ngại kể lại chuyện mình, và chúng ta sẽ có dịp ấn tống thêm hiệp tuyển thứ hai, thứ ba... Mỗi tập sách tuy mỏng manh nhưng đầy ý nghĩa và có tác dụng chia sẻ đức tin, để châm dầu và giữ lửa cho nhau.

Ba ngàn quyển sách này, cũng như hơn một trăm đầu sách khác, lần lượt được hân hạnh nối tiếp nhau trân trọng đặt vào tay quý bạn là nhờ vào tấm lòng thương Thầy mến Đạo của biết bao vị ân nhân suốt mười năm nay luôn nhiệt thành ủng hộ Chương Trình Chung Tay Ấn Tống để góp phần hoằng dương chánh pháp Kỳ Ba. Ôn sâu nghĩa nặng ấy nói sao cho xiết!

Con cầu xin Thầy Mẹ chan rưới phúc lành điển huệ đến quý ân nhân của con, và cứu huyền thất tổ những vị con mãi mang ơn.

*Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.  
Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn.*

HUỆ KHẢI  
27-3-2018



Tiền bối Huệ Lương (Trần Văn Quế, 1902-1980)  
đặc quả Quảng Đức Chơn Tiên (1981)

## BA LẦN NĂM MỘNG

### HUỆ KHẢI

Vị Tổng Lý Minh Đạo đầu tiên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam là đạo trưởng Huệ Lương (Trần Văn Quế). Ngài đồng thời là Vĩnh Tịnh Sư tại Minh Lý Thánh Hội (Minh Lý Đạo, với ngôi Tam Tông Miếu), và cũng là Ngọc Chánh Phối Sư, Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài (với Trung Hưng Bửu Tòa ở Đà Nẵng).

Quy thiên ngày 14-10 Canh Thân (Thứ Năm 21-11-1980), đắc quả Quảng Đức Chơn Tiên ngày 07-6 Tân Dậu (Thứ Tư 08-7-1981), ngài giảng cơ tại Tam Tông Miếu và nhắc đến ba nơi nói trên như sau:

*Trung Hưng, Minh Lý, Cơ Quan  
Tuy ba mà một chu toàn đồng thân.*

Ngài Trần Văn Quế sanh trưởng trong một gia đình trung lưu tại làng Phước Long, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa (ngày nay Long Thành là huyện, thuộc tỉnh Đồng Nai). Song thân ngài là ông Trần Văn Được và bà Nguyễn Thị Là. Hai vị sanh được năm trai, ba gái. Ngài Quế là áp út, chào đời ngày Thứ Tư 14-5-1902 (07-4

Nhâm Dần),<sup>(1)</sup> nhưng giấy khai sanh ghi ngày 01-11-1902, có lẽ vì ngày xưa các trẻ thường được làm khai sanh muôn.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ đại ân xá, huyền cơ diệu bút Cao Đài thường hé lộ nhiều bí mật huyền vi của Tạo Hóa để giúp chúng sanh khởi phát đức tin, mộ đạo tìm tu cho kịp thoát khỏi cuộc sùng sảu thảm thiết khắp cả hoàn cầu vào buổi hạ nguơn mặt kiếp. Cũng chính nhờ cơ bút Cao Đài mà chúng ta biết rằng ngài Quế sanh vào gia đình họ Trần là một đại hạnh nhân duyên cho cha ngài (tiếc rằng chúng ta chưa được biết về mẹ ngài).

Thật vậy, một đàn cơ được lập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam vào giờ Tuất ngày 10-6 Tân Hợi (Thứ Bảy 31-7-1971); bấy giờ có ngài Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương hầu đàn. Hôm ấy, thân phụ ngài Huệ Lương đắc quả Vĩnh Thọ Đạo Nhơn giảng cơ, xưng danh qua bài tứ tuyệt quán thủ:

*VĨNH viễn xa lìa chốn thế gian  
THỌ truyền bí pháp tại Tiên bang  
ĐẠO màu luyện đắc thần thông quyết  
NHƠN sự có chi chẳng vẹn toàn.*

VĨNH THỌ ĐẠO NHƠN

---

<sup>(1)</sup> Theo ghi chép của Giáo Sĩ Lập Hạnh (Trưởng Ban Đặc Chương, thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam).

*“Chào chư hiền hữu. Chào chư hiền muội. Mừng nhục tử Huệ Lương.*

*Một sự bất ngờ hôm nay nhục tử lại gặp Lão đây mà từ lâu không bao giờ ngờ được, có phải vậy chăng?*

*Trải qua mấy trăm năm đã nhiều công tích đức tu chơn, một kiếp chót mới hạ sanh Quế tử để làm một nấc thang cho Lão ngày nay được chứng vị nơi cõi Thiên Liêng. Tuy là ở hàng Đạo Nhơn chớ không còn phải luân hồi chuyển kiếp nữa.”*

Đoạn thánh giáo dẫn trên quả thật đã vén màn Thiên cơ bí mật, cho biết rằng nhờ “mấy trăm năm đã nhiều công tích đức tu chơn” nên đến kiếp chót đầu thai làm người Việt Nam ở một làng quê mộc mạc vào đầu thế kỷ 20, ngài Trần Văn Được có đủ đại hạnh nhân duyên mà sanh ra con trai là Trần Văn Quế, “để làm một nấc thang” giúp ngài bước lên phẩm vị Đạo Nhơn, và “không còn phải luân hồi chuyển kiếp nữa”.

Tại sao nhờ sanh được con trai là Quế mà ngài Trần Văn Được lại hạnh hưởng quả lành thiện báo vô giá như thế nơi cõi thiên liêng hằng sống?

Bởi vì ngài Trần Văn Quế chính là một trong các đại sứ đồ hy hữu của Đức Chí Tôn Cao Đài Thượng Đế.

Thật vậy, tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, vào giờ Ngọ ngày 09-01 Quý Sửu (Chủ Nhật 11-02-1973), “thừa sắc lệnh Ngọc Hư Cung, chiếu đề nghị

*của Công Đồng Tam Giáo, chiếu số biểu của Hội Đồng Tiền Khai Đại Đạo”, Đức Nhứt Trấn Oai Nghiêm Lý Thái Bạch, Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã lâm đàn “tuyên dương công trạng” của Phối Sư Trần Văn Quế gồm tám điểm như sau:*

*“1. Đã nhứt tâm, nhứt đức trọn vẹn lòng tin, phụng thờ Thiên mạng truyền bá giáo lý Thiên Đạo khắp ba miền Nam Trung Bắc.*

*2. Đã có tinh thần hòa đồng với quan niệm Tam Giáo Đồng Nguyên, Vạn Giáo Nhứt Lý.*

*3. Đã có tinh thần hòa đồng với tôn giáo bạn, không phân biệt màu sắc dị đồng tín ngưỡng và phương tiện truyền giáo cũng như hành lễ.*

*4. Đã thiết tha với ý niệm nhân loại đại đồng, hoài bão tình huynh đệ nơi thế gian sẽ có ngày như tình linh sơn cốt nhục, đồng thọ huyết thống một nguồn cội tối linh.*

*5. Đã hoài bão và mong thực hiện tình thương yêu dân tộc không phân biệt địa phương Nam Trung Bắc, hoài vọng ngày thống nhứt đất nước trong tình huynh đệ Lạc Hồng, giữ vững non sông bản đồ chữ S về phương diện nhân sanh thế đạo.*

*6. Hoài bão xây dựng một thế hệ trẻ trung, mẫn non tiếp nối đời sống tâm linh thánh thiện theo luật tiền tấn hậu kế, tre tàn măng mọc trong tinh thần huynh đệ đại đồng trong mai hậu.*

7. Đã nhứt tâm nhứt đức đặt trọn đời mình trong khoảng thời gian còn lại trong sứ mạng thế Thiên hành hóa độ dẫn nhơn sanh trên đường tu học.

8. Hoài bão xây dựng một Hội Thánh Đại Đạo duy nhứt để truyền bá giáo lý tối thượng khắp nơi.”

Hơn tám năm sau lần tuyên dương công trạng dẫn trên, vào ngày 07-6 Tân Dậu (Thứ Tư 08-7-1981), lâm đàn tại Tam Tông Miếu (Minh Lý Thánh Hội), Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“Trần Văn Quế là một nguyên căn xin Thầy nguyện xuống thánh địa Việt Nam lập công hành đạo, phò trì chánh pháp. Trải qua thời gian năm mươi bốn năm, một lòng chung thủy với Đạo, kham nhiệm quyền pháp từ dưới lên trên, làm tròn bốn phận Lễ Sanh, rồi nhờ công hạnh siêng cần, Thầy ban cho Giáo Hữu, thăng phong Giáo Sư, công dày chí lớn nên được vào hàng sứ mạng thọ phong Phối Sư đến Ngọc Chánh Phối Sư kiêm Chủ Trưởng Truyền Giáo, Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan.”

Qua các thánh giáo dẫn trên, rõ ràng ngài Huệ Lương (Trần Văn Quế) có Thiên mạng và đạo nghiệp rất kỳ vĩ trong các bậc đại sứ đồ Cao Đài. Tuy nhiên, thuở thanh niên vì đã tu theo đạo Phật, nên ngài Quế không chịu nhập môn Cao Đài theo lời khuyên nhủ của mẹ và bà huynh, vì sợ rằng “sẽ mang tội phản sư”. Đây cũng chính là lời ngài giải thích với ông Trần Văn Tồn.

Do đó, để dắt dẫn bậc nguyên căn làm tròn đại

nguyện thế Thiên hành hóa trước khi già từ cõi trời bước xuống thế gian, Ông Trần đã mượn ba giấc chiêm bao để độ thầy giáo Quế bước vào chánh pháp Cao Đài.

Căn cứ tự thuật viết tay (55 trang A4) của ngài Huệ Lương nhan đề “Tiểu sử đời tu hành của ông Trần Văn Quế, đạo hiệu Huệ Lương”, là bản lưu trữ của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài;<sup>(2)</sup> đồng thời tham khảo các ghi chép của Ban Đặc Chương thuộc Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, chúng ta có thể khái quát con đường tâm linh của ngài Trần Văn Quế từ thuở ấu thơ tới khi trưởng thành qua một số điểm mốc như sau:

### 1. Thuở bé ở làng

Năm 1908, cậu Quế và người anh thứ tư là Trần Văn Tồn cùng học chữ Nho với cụ Hội Đồng Địa Hạt (conseiller provincial) kiêm đông y sĩ Trương Văn Thuận làm chủ tiệm thuốc Nam Thới Lai ở quận Long Thành.

Cậu Quế (bảy tuổi ta) thích bắt chước người lớn cúng tế và chơi trò làm đám tang, chôn xác các con vật nhỏ như thằn lằn, dế... chẳng hạn. Trong nhà, cậu vào kẹt vựa lúa làm một cái tran nhỏ thờ Phật, tự viết hai chữ Nho 佛祖 (Phật Tổ) làm linh vị, dùng một cái chân đèn bằng đồng treo lên làm chuông. Hằng ngày cậu tới

---

(2) Chân thành cảm tạ Giáo Sư Thượng Liêm Thanh, Phó Chương Quản Cơ Quan Phổ Tế (Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài) đã giúp Huệ Khải được đọc tài liệu này.



đó cúng bái, do đó thường bị cha mắng: “Sao mày không lo học! Muốn làm thầy chùa lắm sao?”

Người anh thứ tư là Trần Văn Tồn bèn bảo cậu Quế dẹp tran thờ Phật, rồi giúp em lập tran thờ Đức Khổng Tử ở cạnh bàn thờ gia tiên, với linh vị viết hai chữ Nho 聖人 (*Thánh Nhơn*). Cha cậu cũng bằng lòng, cho phép hai anh em làm như thế.

## 2. Đi học ở Biên Hòa rồi lên Sài Gòn

Năm 1916, mười lăm tuổi ta, cậu Quế học lớp Nhì (*cours moyen*) ở trường tỉnh Biên Hòa. Lúc nghỉ hè, cậu hay rủ bạn học cũ hoặc bạn cùng trang lứa trong làng đi vào đám rừng chồi phát cỏ, chặt cây dựng chòi để làm chỗ cúng bái nhưng thật sự chẳng biết thờ vị nào cả.

Năm 1923, hai mươi hai tuổi ta, đang học lớp Tú Tài bốn quốc (*Baccalauréat local*) tại trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn, cậu học trò Trần Văn Quế được một người bạn tặng quyển *Tây Qui Trục Chỉ* do Trần Phong Sắc dịch.

*Tây Qui Trục Chỉ* 西歸直指 do cư sĩ đời nhà Thanh là Chu An Sĩ 周安士 (1656-1739) biên soạn, mục đích khuyên bá tánh niệm Phật cầu vãng sanh vào cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà.

Bản dịch của Trần Phong Sắc (thế danh Trần Đình Diệm, người làng Tân An, tỉnh Tân An) nhan đề *Tây Qui Trục Chỉ* (*Prières bouddhiques*), dày 152 trang, ban đầu

in tại nhà in Union (Sài Gòn 1927), sau đó tái bản tại nhà in Xưa Nay (Sài Gòn 1929).

Nhờ sách *Tây Qui Trục Chỉ*, cậu Quế hiểu biết về pháp môn tịnh độ, thấy thích hợp cho hàng cư sĩ tu tại gia. Do đó, kể từ năm 1923, cậu Quế phát tâm ăn chay và tụng kinh mỗi tháng vào hai ngày sóc vọng. Đến khi được bố về dạy học tại trường trung học Petrus Trương Vĩnh Ký (tháng 8-1928), thầy giáo Trần Văn Quế vẫn giữ cách tu hành như vậy.

## 3. Ra Hà Nội học

Sau khi đậu bằng Tú Tài bốn quốc, tháng 6-1925 chàng trai Trần Văn Quế ra Hà Nội học lớp đệ Nhứt niên, ban Khoa Học và Toán Lý Hóa, chương trình ba năm tại trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương (*Ecole supérieure de Pédagogie de l'Indochine*). Có lần sinh viên Quế muốn đổi qua học Luật tại trường Cao Học Đông Dương (*Ecole des Hautes Etudes indochinoises*) thì năm mộng thấy cha về ngăn cản, và sau đó lại mộng thấy Đức Huyền Thiên Chân Vũ đến ngăn cản.

Sinh viên Quế nhìn biết là Đức Huyền Thiên Chân Vũ hiện ra trong giấc mộng bởi vì đã tận mắt thấy tượng của ngài thờ trong đền Quán Thánh nằm bên Hồ Tây (Hà Nội).

Quán Thánh (tức Trấn Vũ Quán) lập từ đời vua Lý Thái Tổ (thế kỷ 11) để phù hộ việc trấn giữ mặt Bắc thành Thăng Long. Trong đền có tượng Đức Huyền

Thiên Trấn Vũ đúc bằng đồng đen năm 1677, dưới đời vua Lê Hy Tông. Tượng cao 3,96m, chu vi 8m, nặng 4 tấn, đặt trên bệ đá cẩm thạch cao 1,2m. Khi ra Bắc, tới viếng đền Quán Thánh, vua Minh Mạng (trị vì 1820-1841) đổi Trấn Vũ Quán thành Chân Vũ Quán. Từ đó, người Bắc gọi Đức Trấn Vũ là Chân Vũ, nhưng trong Nam gọi ngài là Chơn Võ. Năm 1950, nhà xuất bản Tín Đức Thư Xã ở Sài Gòn có in quyển truyện Tàu nhan đề *Bắc Du Chơn Võ*, do Lê Duy Thiện dịch (112 trang).

#### 4. Tập cầu cơ ở Hà Nội

Trong thời gian học tại trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương (Hà Nội), sinh viên Quế làm đại diện lớp (*délégué*), tức là trưởng lớp, nên được các bạn chọn làm đồng tử mỗi khi cả nhóm tập cầu cơ (ngoài Bắc gọi là *phù kê* 扶乩, trong Nam nói *phò cơ*).

Bài văn khẩn cầu cơ mà các sinh viên Hà Nội thuở ấy tụng đọc có những câu như sau:

*\* Trên bửu tọa khổi hương nghi ngút  
Chốn Bồng Lai năm thức mây giăng.*

*\* Nhớ xưa sử sách có truyền  
Cảnh Tiên có cảnh, người Tiên có người.*

*\* Chơi một ngày Bích Hải, Thương Ngô  
Ai hay cán búa tiều phu đã mòn.*

Theo Đạo Giáo Trung Quốc, ngoài biển khơi có ba quả núi là cảnh Tiên, gồm: Bồng Doanh (tức Bồng Lai, Bồng

Đảo), Phương Trượng (tức Phương Hồ), và Bích Hải.

Thương Ngô không rõ là cảnh Tiên nào, hay là miền đất xưa kia vua Thuấn dọc đường tuần thú (đi xem xét dân tình, đi kinh lý) bỗng ngã bệnh rồi mất tại đó?

Câu “*Chơi một ngày Bích Hải, Thương Ngô*” nói về thú tiêu dao thoát tục, Thần Tiên cõi mây đi lại khắp nơi mau như chớp nháng. Tương tự có hai câu lục bát:

*Bồng Lai, Phương Trượng cao cao*

*Sáng chơi Bích Hải, chiều vào Thương Ngô.*

Câu bát dẫn trên có lẽ dịch từ câu “*Triều du Bích Hải, mộ túc Thương Ngô*.” 朝游碧海, 暮宿蒼梧.” (*Sáng chơi Bích Hải, chiều ngụ Thương Ngô.*)

Câu “*Ai hay cán búa tiều phu đã mòn*” nhắc đến tích xưa kể rằng có một tiều phu vào núi kiếm củi, tình cờ gặp hai ông lão đánh cờ bên cội tùng, bèn bỏ búa xuống đất ngồi xem. Tàn ván cờ, tiều phu ngoảnh nhìn cây búa thì thấy cán gỗ đã mục nát, lưỡi búa sét mòn từ bao giờ; bèn quay lại nhìn hai ông lão thì chẳng còn ai, chỉ tro trọi một phiến đá phẳng họ mượn làm thạch bàn (bàn đá). Bấy giờ tiều phu nghĩ rằng mình đã gặp Tiên. Khi tiều phu tìm lối trở về nhà thì xóm làng đã thay đổi, cảnh và người đều xa lạ. Do tích này, văn học nói *lạn kha* 爛柯 nghĩa là cán mục, ám chỉ một khoảnh khắc thời gian cõi Tiên dài bằng mấy năm hạ giới.

Trong một lần cầu cơ, cả nhóm tiếp được bốn câu:

*HUÂN danh nan đắc HẢO tương phùng  
MAI, TUYẾT, MINH, MINH kỷ độ cùng  
Đơn QUẾ phương lưu kim cổ tích  
Đề BI độc thị ĐỊNH, CÁT, CU.*

Bài này điểm danh mười một người có mặt trong buổi cầu cơ. HUÂN là sinh viên Y Khoa, kế tiếp là mười sinh viên Cao Đẳng Sư Phạm: Trần Cảnh HẢO, Đặng Thai MAI, Nguyễn Trọng TUYẾT, Lưu Văn MINH (người Hà Nội), Nguyễn Văn MINH (người Thủ Dầu Một), Trần Văn QUẾ, Đặng Văn BÊ (tức BI), Võ Quang ĐỊNH, Trần Văn CÁT, và Nguyễn Ngọc CU.

### 5. Dạy học ở Sài Gòn

Giữa năm 1928 sinh viên Trần Văn Quế tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương. Cuối tháng 8 cùng năm được bố về Sài Gòn dạy tại trường Petrus Trương Vĩnh Ký, thầy Quế phụ trách các môn Toán Lý Hóa, Sử Địa, và Việt Ngữ trong mười sáu năm liền.

Cuối tháng 9-1928, mẹ và người anh thứ tư của thầy Quế là Trần Văn Tồn nhập môn Cao Đài tại thánh thất Phú Hội (làng Phú Mỹ, tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa). Người tiến dẫn là Hội Đồng Địa Hạt Nguyễn Phát Đạt,<sup>(3)</sup> người làng Phước Thiện, là anh bà con của anh chị em thầy Quế. Nhập môn xong, ông

<sup>(3)</sup> Vị này không phải là “ông Nguyễn Phát Đạt, nghiệp chủ, Sài Gòn”, số thứ tự 11 trong hai mươi tám môn đệ cùng đứng tên trên *Tờ Khai Tịch Đạo* đề ngày 07-10-1926.

Tồn đi lên Sài Gòn để khuyên em mình nhập môn. Thầy Quế trả lời:

“Thôi, má và anh tu thì tu theo đạo Tam Kỳ, còn tôi thì để tôi tu theo đạo Phật vì tôi đã tu theo đạo đó lâu rồi. Nếu nay tôi bỏ đạo Phật mà qua đạo Tam Kỳ thì tôi sẽ mang tội phản sư sao?”

Ông Tồn buồn lòng bỏ về quê. Ít lâu sau, ông Tồn lên Tòa Thánh Tây Ninh làm công quả một tháng và phát nguyện ăn chay trường. Hết một tháng, ông Tồn trở về quận Long Thành; dọc đường ông ghé nhà thầy Quế ở số 255 đường Frère Louis, Sài Gòn,<sup>(4)</sup> và bảo: “Trước khi về nhà thăm má, tôi ghé lại đây khuyên chú nên nhập môn vào đạo vì là cái đạo của Trời thật.”

Thấy em làm thình, ông Tồn buồn bã kiếu từ. Không lâu sau đó, mẹ thầy Quế lên Sài Gòn khuyên thầy nhập môn Cao Đài mà thầy vẫn bỏ ngoài tai. Bà không vui, nán lại với con vài ngày rồi lui thủ về quê.

Thầy Quế không chịu nhập môn Cao Đài chẳng phải vì không tin tưởng tôn giáo này. Chính thầy từng tập cầu cơ khi ra Hà Nội học hành, và tin có Thần Tiên giáng cơ.

Anh tư là Trần Văn Tồn từ quê nhà lên Sài Gòn đã hỏi ý kiến thầy Quế: “Anh Hội Đồng Nguyễn Phát Đạt ở

<sup>(4)</sup> Ngày 22-3-1955 đường Frère Louis đổi tên là đường Võ Tánh. Ngày 14-8-1975 đổi tên là đường Nguyễn Trãi. Nhà thầy Quế cách trường Petrus Ký không xa.

Phước Thiên là bà con với mình ghé nhà khuyen má và tôi vào đạo Cao Đài. Tôi không rõ đạo ấy như thế nào nên vào đây hỏi ý kiến chú vì ở Sài Gòn chú quen biết nhiều nhà tai mắt, rõ việc ấy hơn tôi.”

Nghe anh mình hỏi vậy, thầy Quế liền nghĩ rằng anh mình muốn vào đạo thì đây là cơ hội để tu tâm sửa tánh, nên thầy trả lời ngay: “Đạo ấy được lắm! Má và anh nên an lòng vào đạo đó đi.”

Vậy thì việc thầy Quế trái ý mẹ và anh, không chịu theo đạo Cao Đài chỉ vì đã nhiều năm thầy tu theo pháp môn nhà Phật, không muốn “mang tội phản sư” như chính lời thầy giải bày với anh tư mình là Trần Văn Tồn.

Vả lại, trong những năm tháng chí thành tu hành theo pháp môn Tịnh Độ, thầy đã có vài giấc mơ kỳ lạ khiến thầy tin rằng mình được Phật chứng giám. Chẳng hạn:

Một đêm nọ, lúc còn bé, cậu Quế nằm mộng thấy bị một đám trẻ con vây đánh túi bụi. Bỗng có tiếng ai nói lớn: “Mau niệm Phật Quan Âm!” Cậu liền niệm: “Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát...” Tức thì có một bà áo trắng hiện đến và lũ trẻ kia cuống cuồng bỏ chạy hết.

Một đêm khác, thầy Quế chiêm bao thấy mình đi đến một bến đò, đang đứng trên bờ sông thì từ phía đầu dòng có chiếc tam bản (xuồng ba lá) do một phụ nữ vừa chèo vừa nói: “Ai theo Phật thì theo.” Xuồng đến gần chỗ thầy đứng, phụ nữ ấy hỏi: “Vậy chớ *Monsieur* [ông] Trần

Văn Quế ở đâu?” Trong mơ, thầy Quế đáp lớn: “Để tôi lo việc dưới trần này đã.”

Vào ngày vía Đức Phật A Di Đà (17 tháng 11 âm lịch), sau khi tụng kinh và làm lễ tưởng niệm Đức Phật A Di Đà xong, thầy Quế vào giường ngủ và nằm mộng thấy mình đi đến một nơi lạ lẫm, bên vệ đường có một đại thụ ba nhánh. Trên chỗ cháng ba có một vị giống y hình Đức Phật A Di Đà thường in trên bìa các quyển kinh.

Tóm lại, vì trót nặng lòng với nhà Phật mà thầy giáo Trần Văn Quế khăng khăng quay lưng với đạo Cao Đài. Tuy nhiên, đã đến ngày đến giờ Đức Thượng Đế cần dùng thầy Quế làm một trang hướng đạo tài đức để trợ giúp đắc lực cho nền tôn giáo vừa mới ra đời. Thầy Quế có thể cãi lời mẹ và anh tư mình, nhưng làm sao thầy có thể cãi được Đức Chí Tôn, mặc dù “*Thiên hà ngôn tai!*” (Trời nào có thốt ra lời nào đâu!)

Bởi vậy, sau khi làm mẹ và anh tư buồn lòng rời Sài Gòn trở về quê, đừng trông ông giáo trẻ luôn cảm thấy trong lòng bồn chồn rất khác lạ – không phải là tâm trạng ăn năn của đứa con hiếu thảo hay nỗi niềm hối hận của người em thuận để. Thế rồi, thầy Quế liên tiếp ba lần nằm mộng rất dị thường.

**Lần thứ nhất:** Thầy Quế chiêm bao thấy mình cùng người em út về thăm nhà ở xóm ông Thiện, làng Phước Long, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa. Trong nhà lúc ấy đông đúc người ra vào giống như đang có lễ lạt. Tất cả

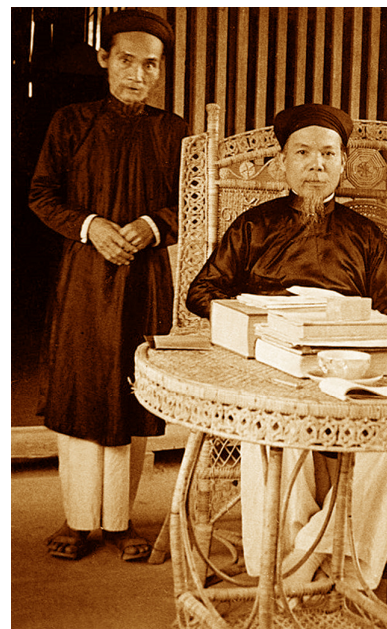


mọi người đều đội khăn đóng đen, mặc áo dài đen.<sup>(5)</sup> Hai anh em tự dưng sợ quá, không dám vào nhà, bèn núp ngoài hàng rào dành dành.<sup>(6)</sup> Bất ngờ mấy người áo đen ở trong nhà túa ra rượt hai anh em chạy trốn chết. Thầy Quế vấp té sắp xuống, mới ngồng cổ lên liền bị một người áo đen lấy dao găm kềm vào cổ và hỏi bằng tiếng Pháp: “*De quelle religion êtes-vous?*” (Ông theo đạo nào?) Thầy trả lời: “*Je suis Bouddhiste.*” (Tôi là Phật tử.) Người đó nói lớn: “*Dites plutôt Caodaïste.*” (Nên nói tín đồ Cao Đài là hơn.) Ngay sau đó thì thầy Quế tỉnh mộng.

**Lần thứ nhì:** Thầy Quế nằm mộng thấy về thăm mẹ ở làng Phước Long. Trong nhà có nhiều người mặc áo dài đen, đầu đội khăn đóng đen. Giữa nhà có cái tran đóng

<sup>(5)</sup> Thuở trước, nam tín đồ Cao Đài mặc áo dài trắng, đội khăn đóng đen khi cúng Thầy; nhưng trong giao tế thường mặc áo dài đen, đội khăn đóng đen (xem ảnh ở trang 24).

<sup>(6)</sup> Bông dành dành với cánh trắng như sáp, thơm gắt, thuộc họ bông lài (*jasminoides*), nên còn có tên là *cape jasmine*. Ở Việt Nam, nhiều nhà trồng dành dành làm hàng rào. Phải chăng vì mọc nhiều ở núi (?) mà cây dành dành được người Trung Quốc gọi là *son chi* 山梔, gọi tắt là *chi* 梔, hạt gọi là *chi tử* 梔子, bông là *chi tử hoa* 梔子花. Phương Tây biết được bông này từ Trung Quốc nên thường cho rằng dành dành gốc gác từ nước này. Nhà thực vật học người Tô Cách Lan là tiến sĩ Alexander Garden (khoảng 1730-1791) có công đưa dành dành sang trồng ở phương Tây, do đó dành dành được mang họ của ông, gọi là *Gardenia*. (Huệ Khải, *Ai Do Lòng Biển*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức 2017, tr. 19.)



THUỞ TRƯỚC, NGOÀI GIỜ CÚNG, NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI MẶC ÁO DÀI ĐEN, ĐỘI KHĂN ĐÓNG ĐEN.

◀ Chức sắc và tín đồ Cao Đài tại thánh thất tạm ở Tây Ninh (1930). Ảnh: Walter Bosshard (1892-1975), nhiếp ảnh gia kiêm ký giả Thụy Sĩ.

Ban Trị Sự Liên Hòa Tổng Hội, chụp trước thánh thất Cầu Kho, trong khoảng nửa sau thập niên 1930 và nửa đầu thập niên 1940. (Ảnh lưu trữ của ngài Huệ Lương, do hiền huynh Huệ Nhẫn tặng Huệ Khải.) ▼



trên cao, thò con mắt mở lớn. Thầy lại thấy mình đi ra phía sau nhà, tới bên một cái ao rộng trồng nhiều bụi sen to tướng. Mỗi bông sen nở ra lớn bằng bánh xe bò, cánh hoa trắng, nhụy xanh nhô lên khỏi mặt nước chừng hai mét. Cuống sen to như cây cột, màu xanh lá cây. Búp sen thì la liệt. Thầy Quế hỏi: “Bông này để làm gì?” Một người áo đen đáp: “Để cúng Thầy.” (Trong đạo Cao Đài, Thầy là Đức Thượng Đế.)

**Lần thứ ba:** Thầy Quế nằm mộng thấy về nhà thăm mẹ. Con đường dẫn vào nhà trồng nhiều tre. Còn cách vài trăm thước thì trời đổ mưa, thầy vội chạy vào ngôi miếu con bên đường đụt mưa. Vào trong miếu, giở tấm sáo che trước bàn thờ thì thấy tranh vẽ con mắt mở lớn chừng sáu, bảy tấc.

Thầy Quế cứ bần tâm suy nghĩ về ba giấc mộng. Tin rằng cả ba đều là thánh ý nhà Trời, cuối cùng thầy giáo quyết định nhập môn Cao Đài.

Trong kỳ nghỉ hè, ngày Thứ Bảy 17-8-1929 (13-7 Kỷ Ty) thầy Trần Văn Quế về quê thăm mẹ, và sắp đặt lễ nhập môn vào ngày 15-7 Kỷ Ty (Thứ Hai 19-8-1929) tại thánh thất Phú Hội (làng Phú Mỹ, tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa). Người anh thứ tư là Trần Văn Tồn tiến dẫn.

Trước ngày nhập môn bỗng dưng thầy Quế bị đau yết hầu, không thể mở miệng nói năng vì rất đau đớn. Để chữa trị các bệnh thông thường như ho, viêm họng...

dân gian thường dùng củ rễ quạt kèm với cam thảo đất, húng quế, húng chanh, gừng tươi, kim ngân hoa, v.v... Bởi vậy, mẹ thầy Quế cũng lấy củ rễ quạt mài với nước cơm cho con uống nhưng không khỏi.

Tuy bệnh, thầy Quế vẫn tới thánh thất hành lễ. Lạ thay! Sau khi nhập môn xong thì thầy Quế liền hết bệnh, nói chuyện bình thường.

## 6. Hành đạo tại thánh thất Cầu Kho

Theo lời khuyên của vị Giáo Hữu cai quản thánh thất Phú Hội, thầy Quế trở về Sài Gòn, ngoài giờ dạy học đã tới hành đạo tại thánh thất Cầu Kho (số 42 đường Général Leman, quận 1, nay là đường Cao Bá Nhạ). Thánh thất này vốn là nhà riêng của Thượng Giáo Sư Đoàn Văn Bản (1876-1941), thánh danh Thượng Bản Thanh.<sup>(7)</sup>

Sau khi nhập môn không lâu, trong một lần hầu đàn ở Sài Gòn, thầy giáo Quế được Đức Chí Tôn dạy:

*“Quế! Nếu Thầy không cho chư Thần theo dắt con trở lại thì con đã đi lạc hướng rồi. Bây giờ con nghĩ sao? Ráng nhứt tâm, sau sẽ thọ lệnh.”*

---

<sup>(7)</sup> Tốt nghiệp trường sư phạm (*École Normale Primaire d'Instituteurs*), thầy Đoàn Văn Bản (tự Văn Long, người làng Tân Uyên, tổng Chánh Mỹ Trung, tỉnh Biên Hòa) dạy tiểu học, rồi làm đốc học (hiệu trưởng) trường tiểu học Cầu Kho (nay là trường tiểu học Trần Hưng Đạo, số 250 đường Trần Hưng Đạo, quận 1), do đó thường được gọi là ông Đốc Bản.



Ngài Trần Văn Quế (Huệ Lương) và bào huynh Trần Văn Tồn (Huệ Thánh) được Đức Lý Giáo Tông ban thánh danh tại thánh tịnh Ngọc Tuyền làng Long Tân, tổng Thành Tuy Hạ, quận Long Thành, tỉnh Biên Hòa:

*TỒN tâm HUỆ THÁNH độ nhơn hiền  
QUẾ đức HUỆ LƯƠNG trợ bốn nguyên...*

\*

Thời Tam Quốc xa xưa có tích “tam cố thảo lư” kể chuyện Lưu Bị ba lần tới lều tranh mới rước được Khổng Minh Chư Cát Lượng về làm quân sư cho mình.

Sang thời Tam Kỳ Phổ Độ có ngài Huệ Lương Trần Văn Quế với ba lần nằm mộng dị thường, cũng là ba lần Đức Cao Đài mượn huyền vi diệu mầu để thức tỉnh tâm linh của một đại cao đồ, dìu dắt con Thầy về với Thầy Trời, về với Đạo Trời.

Câu chuyện ngài Huệ Lương khiến Dũ Lan cảm xúc:

*Con Thầy, Thầy dắt Thầy dìu  
Thương con, Thầy mãi sớm chiều chắt chiu  
Không Thầy, con trẻ lạc xiêu  
Không Thầy, con trẻ như điều đứt dây  
Ơn Thầy, con tạ ơn Thầy  
Đạo đời Thầy sẵn an bài cho con  
Nguyện tròn hai chữ sắt son.*

**HUỆ KHẢI**

*Phú Nhuận, 31-3-2018*



Giáo Sư Hương Bình (1991)

Cô giáo Ngô Thị Bình  
thời gian tìm Đạo (1950-1951)

*Các ảnh do Ngô tiền bối tặng*

## CÔ GIÁO HÀ NỘI TÌM ĐẠO

### HUỆ KHẢI

Thứ Hai 21-12-1931 (13-11 Tân Mùi), tiền bối Ngô Thị Bình chào đời tại Hà Nội, là chị cả trong gia đình có tám chị em. Song thân là ông Ngô Đình Công (1903-1972), thợ sửa đồng hồ, và bà Trần Thị Tân (1912-1993).<sup>(1)</sup> Gia đình tiền bối tuy sùng tín việc đi lễ ở các đền, theo tín ngưỡng Đạo giáo dân gian phổ biến trên đất Bắc, nhưng tôn trọng tự do tín ngưỡng của tiền bối. Bà nội và cha mẹ tiền bối đều tích cực trợ giúp tiền bối tìm đúng đường lối tu hành cho riêng mình. Sau khi tiền bối đã nhập môn đạo Cao Đài rồi thì trọn gia đình cũng nối tiếp bước đi mở đường ấy, đều trở thành tín đồ Cao Đài.

Bắt đầu từ Thứ Sáu 03-3-1950 (15-01 Canh Dần), khi đang làm giáo viên trường Nữ Công Gia Đình, bỗng dưng tiền bối gầy rộc cả người, không hiểu nguyên nhân. Theo

---

<sup>(1)</sup> Gia đình ngụ tại số 18 ngõ 132 phố Khâm Thiên. Nếu đánh số nhà như trong Nam, tức là số 132/18 Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội. Ngõ 132 trước kia còn gọi là ngõ Sơn Nam.

lời khuyên của người quen là bác sĩ Tuân, song thân đưa tiền bối đi dâng lễ tại nhiều đền, nhưng cúng bái đã lắm vẫn không kết quả.

Thứ Tư 17-5-1950 (01-4 Canh Dần), tiền bối dọn một nơi tụng kinh Phật trong nhà mặc dù cha mẹ không ai theo đạo Phật; riêng bên ngoại có lập chùa Vân Hồ, ở quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Buổi sáng tiền bối vẫn đi dạy bình thường, nhưng tan trường về nhà thì trở nên trầm lặng. Nhiều sự việc khó giải thích tiếp theo là tiền bối bỗng dưng có ý hướng cầu đạo. Theo lời thân thích chỉ dẫn, song thân cho tiền bối thử đội bát nhang vào Thứ Hai 28-8-1950 (15-7 Canh Dần), đi trình đồng Chủ Nhật 01-10-1950 (20-8 Canh Dần), v.v...

Bên nội tiền bối có lập đền Vọng Tiên ở số 120B phố Hàng Bông, Hà Nội. Ở đền này, Thánh Mẫu về dạy:

*“Ta truyền lệnh cho họ Ngô, tuổi hai mươi này không phải là người của Mẫu, Ta không nhận. Không phải người của Phật, không cho cạo đầu. Là người của Ngọc Hoàng Thượng Đế; tìm đâu có Ngọc Hoàng Thượng Đế thì trả về.”*

Thứ Năm 19-10-1950 (09-9 Canh Dần), tiền bối phát tâm giữ giới ăn chay trường.

Đêm Thứ Năm 26-10-1950 (16-9 Canh Dần), tiền bối nằm mộng, thấy một bàn thờ với cách sắp đặt hoa quả,



rượu trà, bát hương khác hơn những cách bài trí tiền bối quen gặp ở các đền chùa tại Hà Nội bấy lâu. Bà nội tiền bối cũng có giấc mơ tương tự.

Chủ Nhật 24-12-1950 (16-11 Canh Dần), một người bà con đưa tiền bối đến chùa Trung Tự ở quận Đống Đa,<sup>(2)</sup> nhưng tiền bối không có duyên quy y Phật.

Trên đường về, tình cờ đi qua số 48 Hòa Mã,<sup>(3)</sup> như bị vô thức điều khiển, tiền bối tự động đẩy cánh cổng khép hờ rồi bước vào xin thắp hương.

Chính hôm đó tiền bối Ngô Thị Bình đã sững sốt không còn tin vào mắt mình khi thấy rõ Thiên Bàn ở bửu điện thánh thất Hà Nội chính là bàn thờ tiền bối được nhìn thấy trong giấc mơ vào hai tháng trước.

Tiền bối bèn hỏi Thượng Giáo Hữu Tô Văn Pho nơi đây thờ ai. Khi biết thánh thất thờ Trời, thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế với tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, tiền bối nhận thức ngay tức khắc là đã về đúng mái nhà Thiên định của mình. Lời dạy của Thánh Mẫu ở đền Vọng Tiên ba tháng trước đó vẫn văng vẳng bên tai:

---

<sup>(2)</sup> Chùa Trung Tự (cũng gọi Phúc Long Tự) được cất vào đầu thế kỷ 18; được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa quốc gia (năm 1992). Chùa nằm cạnh lối rẽ vào cuối ngõ chợ Khâm Thiên, địa chỉ hiện nay là số 46 phố Đê La Thành, phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

<sup>(3)</sup> Nơi đây là thánh thất Thủ Đô Hà Nội, thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo (Bến Tre).

*“Là người của Ngọc Hoàng Thượng Đế; tìm đâu có Ngọc Hoàng Thượng Đế thì trả về.”*

Một giấc mơ khác sau đó chỉ dẫn tiền bối phải nhập môn ngày 12-12 Canh Dần (Thứ Sáu 19-01-1951).<sup>(4)</sup> Thánh thất Hà Nội không chấp nhận, vì thông lệ chỉ làm lễ nhập môn trong hai ngày sóc vọng (mùng 1 và rằm). Thân phụ tiền bối khéo léo nói rằng ở nhà đi xem bói, được khuyên nếu muốn đường tu của tiền bối trọn vẹn thì phải chọn ngày ấy nhập môn. Vì gia đình hết sức khẩn cầu, cuối cùng thánh thất Hà Nội đành nhượng bộ cho trường hợp hy hữu này.

Thứ Sáu 19-01-1951 (12-12 Canh Dần), lễ nhập môn của tiền bối Ngô Thị Bình được tổ chức tại bửu điện thánh thất Hà Nội vào giờ Ngọ. Vì không đúng đàn lệ hàng tháng nên không đông tín đồ như mọi khi. Chỉ vồn vẹn mười hai người hành lễ, kể cả vị chứng đàn là Thượng Giáo Hữu Tô Văn Pho. Các chức sắc khác gồm có Thái Giáo Hữu Lê Văn Thung, Thái Giáo Hữu Trần Văn Đường, Bảo Đàn Nguyễn Văn Hiền. Nữ phái có Giáo Hữu Nguyễn Nguyệt Tiếp.

Tiền bối đã từ khước một lời cầu hôn trong năm này và chọn con đường làm nữ tu, hiến thân hành đạo.

Thứ Năm 22-3-1951 (15-02 Tân Mão), nhân lễ vía

---

<sup>(4)</sup> Tôi từng hỏi tiền bối Ngô Thị Bình rằng ở Hà Nội không có đàn cơ như trong Nam, thế thì tiền bối hành đạo thế nào. Tiền bối trả lời ngay: “Hai năm mơ, em à.” (Huệ Khải)

Đức Thái Thượng Đạo Tổ, tiền bối Ngô Thị Bình làm lễ xuất gia, vào ở luôn trong thánh thất. Ngoài giờ đi dạy, tiền bối lại trở về nếp sống một nữ tu.<sup>(5)</sup>

## HUỆ KHẢI

### ► NÓI THÊM

1. Tiền bối Hương Bình (Ngô Thị Bình) lần lượt được Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo phong các phẩm:

- Thứ Tư 23-6-1976 (26-5 Bính Thìn): Lễ Sanh.
- Thứ Năm 15-7-1982 (25-5 Nhâm Tuất): Giáo Hữu.
- Thứ Sáu 12-5-1989 (08-4 Kỷ Tỵ): Giáo Sư.
- Thứ Ba 20-6-2006 (25-5 Bính Tuất): Phối Sư.
- Thứ Bảy 24-11-2007 (15-10 Đinh Hợi): Quyền Nữ Chánh Phối Sư.

2. Tại thánh thất Hà Nội, tiền bối đảm nhiệm các chức vụ:

- Quản Lý Phòng Lương (1950-1955).
- Phó Hội Trưởng Ban Cai Quản (1955-1998).

---

<sup>(5)</sup> Tiền bối Ngô Thị Bình rời trường phổ thông cơ sở Đoàn Kết để nghỉ hưu năm 1982. Là giáo viên dạy giỏi, ba lần tiền bối được Công Đoàn ngành giáo dục bầu chọn là chiến sĩ thi đua vì yêu nghề, mẫn trệ, tận tụy dìu dắt các giáo viên mới vào nghề, chia sẻ kinh nghiệm của người chị đi trước đối với đàn em tiếp nối.

- Hội Trưởng Ban Cai Quản, kiêm Đầu Họ Đạo (1998-2009).

3. Tại Hội Thánh, tiền bối đảm nhiệm:

- Ủy viên Ban Thường Trực Hội Thánh (nhiệm kỳ 2002-2007).
- Phó Trưởng Ban Thường Trực Hội Thánh (nhiệm kỳ 2007-2012).

4. Các sự kiện cuối đời:

- Thứ Sáu 04-6-2010 (22-4 Canh Dần): Lúc 11 giờ sáng tiền bối quy thiên tại thánh thất Hà Nội.

- Thứ Hai 07-6-2010 (25-4 Canh Dần): Tại thánh thất Hà Nội, lúc 10 giờ 30 sáng, Hội Thánh tuyên dương công đức tiền bối, tặng bốn chữ *Trung Kiên Vị Đạo*.<sup>(6)</sup> Tiền bối được hỏa táng tại Văn Điển (Hà Nội). Sau đó tro cốt đưa về nhập liên đài tại Tòa Thánh Bến Tre, đặt tại Đại Đồng Xã.

- Thứ Tư 09-6-2010 (27-4 Canh Dần): Giờ Tý, tại bữa tiệc Tòa Thánh, tiền bối được Hội Thánh truy phong lên phẩm Nữ Chánh Phối Sư.<sup>(7)</sup>

Cùng ngày, lúc 13 giờ 30, Hội Thánh làm lễ tiễn biệt.

---

<sup>(6)</sup> Văn bản số 04/BTT của Văn Phòng Cứu Viện, ngày 04-6-2010 (22-4 Canh Dần).

<sup>(7)</sup> Đạo lệnh số 01/ĐL/TP của Hội Thánh ngày 08-6-2010 (26-4 Canh Dần).

Đến 15 giờ, đưa liên đài ra trước Hiệp Thiên Đài tuyên dương công đức, sau cùng đưa ra nền bửu tháp tại Thảo Xá Hiền Cung. Tiền bối được thờ tại Thiên Phong Đường Tòa Thánh Bến Tre và Thiên Phong Đường thánh thất Hà Nội.

Câu chuyện trên đây trích trong: Huệ Khải, *Lịch Sử Thánh Thất Cao Đài Thủ Đô Hà Nội*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2015, tr. 70-74, 123-125. (Quyển 91.1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.)



Lễ Sanh Nguyễn Hữu Văn  
Sinh năm 1928, quy thiên ngày 19-9-2000  
*Ảnh cơ sở đạo Thanh Hóa tặng.*

# CỰU SĨ QUAN TÌM THẦY

**PHẠM VĂN LIÊM**

Sau nhiều năm chiến tranh khốc liệt, ngày quê hương thanh bình, mọi miền đất nước đang được hồi sinh, anh Nguyễn Hữu Văn – một người lính mang quân hàm trung úy từ giã chiến trường về lại gia đình, làng xóm, làm nghề cũ thợ rèn để mưu sinh. Một hôm, trong giấc mơ anh thấy có người áo trắng mách rằng hãy đi về hướng Tây Nam, xa mãi xa mãi, đến một ngôi chùa nhỏ sẽ thấy biểu tượng *Con Mắt* mở sáng ngời trên khung gỗ vuông. Đó là nguồn sáng tâm linh cần nương tựa. Sau này có cơ hội gặp lại biểu tượng ấy ở một đền thờ trên quả cầu tròn, đó là lúc cần phát triển chung.

Giấc mơ quá lạ, thực hư thế nào không biết nhưng hình ảnh người áo trắng như một cô Tiên cứ ám ảnh chàng sĩ quan phục viên từng ngày. Bụng bảo rằng hãy thử đi xa một chuyến xem sao, và anh đã lên để dành tiền. Những đồng tiền kiếm ra thật khó nên phải mất trót một năm trời mới thực hiện được cuộc phiêu lưu.

Nhiều phương tiện gia thông đã đưa Nguyễn Hữu Văn đến ngôi thất nhỏ phía Tây Nam Quảng Nam. Đó là

thánh thất Trung Kiên. Tại đây, anh thấy thánh tượng Thiên Nhân trên Thiên Bàn và được Đầu Họ thánh thất trả lời những câu hỏi cần thiết. Sau đó anh thỉnh một quyển *Kinh Tân Độ* của Hội Thánh Truyền Giáo về quê. Từ đó, gia đình anh và bà con thân thuộc tập ăn chay, cúng chay, tụng những bài kinh tân pháp chắp giấy, tang ma. Mặc dù nghi thức chưa đâu và ở đâu nhưng họ đã có đức tin và lòng hồi hướng về mối Đạo Trời.

Đến mùa xuân năm sau, cả một nhóm người rủ nhau lại Trung Kiên. Nhân trong mùa Tết có nhiều thời gian, lại gần ngày lễ vía Trời mồng Chín tháng Giêng nên họ được hướng dẫn về Đền Thánh Trung Hưng tại Đà Nẵng để mở rộng tầm nhìn, khai sáng tâm linh, củng cố lòng tin ngưỡng.

Về Trung Hưng Bửu Tòa, quả thực như cánh én gặp mùa xuân, họ hân hoan đến khôn cùng. Nhất là anh Nguyễn Hữu Văn, lòng như nở ra đóa hoa vạn cánh. Ấy không phải vì cảnh trí tôn nghiêm, kiến trúc mới lạ mà chính là hình ảnh thánh tượng Thiên Nhân sáng rực trên quả Càn Khôn trong Bát Quái Đài phù hợp với giấc mơ ngày ấy.

(...)

Riêng nhóm người của anh Nguyễn Hữu Văn như tiếp nhận được ân phước đặc biệt, họ liên tục truyền nhau, mỗi ngày quy tụ thêm đông. Hằng năm và các ngày mồng Chín tháng Giêng, Rằm tháng Tám, đặc biệt mồng

Một tháng Sáu, tại Trung Hưng Bửu Tòa đều có thiện nam tín nữ từ Thanh Hóa và 7 châu lễ và nhập môn. Họ đến với Hội Thánh như về tr 7ng vòng tay huynh đệ thân thương, tr 7ng tình thiêng liêng Từ Phụ, Từ Mẫu ban ch 7 mỗi chơn linh c 7n người trên dặm dài tiến hóa của càn khôn. Mỗi đợt người và 7 đều được tra 7 truyền, đều được hướng dẫn, đều được cứu mang.

### PHẠM VĂN LIÊM

#### ► NÓI THÊM

Câu chuyện tìm Thầy, tìm Đạo trên đây được trích từ tập truyện *Đạo Áo Trắng* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2016, tr. 5-12) của Thượng Giáo Sư Phạm Văn Liêm, là quyển 14-3 tr 7ng Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

Hiền huynh Nguyễn Hữu Văn sinh năm 1928, quy thiên ngày Thứ Ba 19-9-2000. Trước đó năm tháng, huynh được Hội Thánh Truyền Giáo Ca 7 Đài ph 7ng phẩm Lễ Sanh d 7 quyết định số 27/QĐ/HT/HC ngày 18-3 Canh Thìn (Thứ Bảy 22-4-2000).

Có thể x 7m Lễ Sanh Nguyễn Hữu Văn là “tiền khai” của cơ sở đạo Thanh Hóa. Th 7 tài liệu của cơ sở đạo Thanh Hóa,<sup>(1)</sup> chúng ta biết rõ hơn về cơ duyên và 7 Đạo của hiền huynh như sau:

---

(1) *Đại Đạo Văn Uyển*. Tập Trình (số 16). Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2015, tr. 21-23.

### CƠ DUYÊN THANH HÓA

Cách đây trên mười lăm năm, đất Thanh Hóa có ông Nguyễn Hữu Văn làm nghề hàn nôi, thường quảy gánh đi khắp tỉnh Thanh Hóa. Được Ông Trên khải thị qua một giấc mộng, nên năm 1990 ông Văn tạm biệt gia đình, đi về phương Nam bằng chiếc x 7 đạp và một ba 7 đựng dụng cụ hàn nôi...

Năm 1993, ông đặt chân đến thôn Châu Sơn, xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nơi đây có một nhà thờ Thiên Nhân, tín đồ hành lễ mặc đạo 7 phục t 7n màu trắng... giống y như diềm mộng ông Văn đã được Thiên Liêng khải thị. Ông Văn được chủ nhà tiếp đãi ân cần, ch 7 mượn kinh sách để tìm hiểu giáo 7 lý và đưa ông gặp vị Đầu Họ Đạo 7 thánh thất Trung Kiên (thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Ca 7 Đài) ở xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi tìm hiểu giáo 7 lý ông thấy rằng Ca 7 Đài là chánh đạo. Sau đó, ông thành tâm nhập môn và 7 ngày 09-01 Giáp Tuất (Thứ Sáu 18-02-1994). Tr 7ng năm này, ông trở lại quê nhà, mang th 7 một Thánh tượng Thiên Nhân. Tr 7ng lúc gia đình và dòng họ vui vầy đón mừng ông về quê, ông Văn đ 7m Thánh tượng Thiên Nhân ra ch 7 mọi người x 7m và nói: “Cha Mẹ linh hồn của tôi là đây. Chân lý cũng là đây.” Từ đó, ông cùng gia đình định xây dựng một căn nhà nhỏ ba gian để lập Thiên Bàn thờ

Thầy, nhưng lực bất tòng tâm, lại gặp nhiều khó khăn, thử thách.

Ông tiếp tục mưu sinh bằng nghề thợ hàn, một lòng trung kiên với Thầy với Đạo. Gặp người tâm đắc, ông thổ lộ tin mừng về sự xuất hiện nền Đạo mới Kỳ Ba ra đời năm 1926. Vừa giữ Đạo ông vừa tùy duyên truyền Đạo cho nhiều người ở xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa và các xã, huyện lân cận. Nhờ trợ duyên của các đồng đạo tại địa phương, Thiên Bàn thờ Thầy được thiết lập và ngày 15-5 Đinh Sửu (Thứ Năm 19-6-1997) tại tư gia ông Nguyễn Hữu Văn ở làng Đại Bái, xã Thiệu Gia, huyện Thiệu Hóa. Buổi thượng Thánh tượng chỉ có năm người là ông Nguyễn Hữu Văn, anh Bùi Văn Tư, cô La Thị Tuyết, cô Lê Thị Nga, và cô Lê Thị Nhâm.

Sau đó, ông Văn cùng bốn đạo Thanh Hóa ra Hà Nội để gặp Thượng Phối Sư Tô Văn Ph, Đầu Họ Đạo thánh thất Thủ Đô Hà Nội (thuộc Hội Thánh Ban Chính Đạo Bến Tr). Hôm ấy Phối Sư đi vắng, đàn được Giá Hữu Hương Bình (Ngô Thị Bình) ân cần tiếp đón và giới thiệu đàn tìm về Hội Thánh Truyền Giá Ca Đài để được hướng dẫn tu học.

Tiếp được thư giới thiệu của thánh thất Hà Nội, Hội Thánh Truyền Giá Ca Đài cử hai vị chức sắc cùng đi với vài đạo Thanh Hóa ra trấn thàn, an vị ngôi thờ Thầy ở nhà ông Nguyễn Hữu Văn, đồng thời thăm viếng và chúc xuân bốn đạo Thiệu Đô.

Được chức sắc Hội Thánh Truyền Giá hướng dẫn, nhiều người Thanh Hóa lần lượt và Trung Hưng Bửu Tòa (Đà Nẵng) nhập môn và thỉnh kinh sách để tu học. Mỗi lần đi có từ năm đến bảy tín hữu.

Ngày 15-10 Kỷ Mão (Thứ Hai 22-11-1999), Thừa Sứ Nguyễn Thanh Giang (Chương Quản Tòa Pháp Chánh Hiệp Thiên Đài) và Giá Sư Thượng Sách Thanh (Chương Quản Cơ Quan Hành Chánh, Tòa Nội Chánh Hội Thánh Truyền Giá Ca Đài) ra thăm bốn đạo Thanh Hóa và thượng tượng thờ Thầy tại nhà ông Lê Duy Hợi, chị La Thị Tuyết, và anh La Đức Tân. Sau đó, càng có thêm người tin Đạo và xin nhập môn.

Thế rồi vì tuổi già sức yếu, ông Nguyễn Hữu Văn đã nhẹ nhàng quy liễu và đầu giờ Dậu (17 giờ 15) ngày 19-9 Canh Thìn (Thứ Hai 16-10-2000) tại nhà riêng trng giọng đọc kinh thanh tạ, nhịp nhàng của các đạo hữu.

Thứ Tư 04-3-2009, qua văn thư số 108, Sở Nội Vụ tỉnh Thanh Hóa đã chấp thuận địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng và nhân sự tại cơ sở đạo Thanh Hóa, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn. Số tín hữu nơi đây là 146 người (năm 2014).

### **Cơ sở đạo Thanh Hóa**



## GIẤC MỘNG LẠ KỲ

NGUYỄN NGỌC THU

Gốc gác dòng tộc tôi ở Long Xuyên, các cụ tu theo Phật Giáo Hòa Hảo, nhưng ở quê bà con thường nói gọn là đạo Hòa Hảo. Sau này dọn về Rạch Giá thì ba má tôi theo đạo Phật.

Cuối năm 1973 vợ chồng tôi cư ngụ ở đường Tú Xương, quận 3, Sài Gòn. Nhà chúng tôi gần chùa Xá Lợi, tôi theo nếp cũ gia đình, nên hay tới chùa này lễ Phật, rồi quy y. Như vậy, trên danh nghĩa tôi là Phật tử.

Sau tháng 4 năm 1975, chúng tôi dọn nhà về đường Đặng Dung, phường Tân Định, quận 1. Trong thời gian đi “học tập”, chồng tôi (anh Nguyễn Thanh Vân) có duyên được ở cùng chỗ với một tín đồ Cao Đài là hiền huynh Lê Quang Minh (sau này được ban thánh danh Minh Tiến).

Khi trở về sống với gia đình, chồng tôi thường kể cho ba chồng tôi (ông Nguyễn Văn Kiếm) nghe về những ngày còn trong trại, được hiền huynh Lê Quang Minh nâng đỡ tinh thần qua những mẩu chuyện về đạo Cao Đài mà huynh Minh chia sẻ, giảng giải... Thời gian này ba



Nguyễn Ngọc Thu

chồng tôi đang muốn tìm hiểu xem có tôn giáo nào thích hợp thì sẽ tu theo đạo đó.

Dĩ nhiên thoạt đầu chúng tôi chưa biết rõ rằng hiền huynh Lê Quang Minh là trưởng nam đạo trưởng Chí Tín, thế danh Lê Văn Bá (1918-2008). Đạo trưởng Chí Tín là bào đệ đạo trưởng Đạt Minh, thế danh Lê Văn Non (1913-1985). Cả hai vị đều ở trong thành phần các bậc hướng đạo đầu tiên của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Cơ Quan này do Đức Chí Tôn thành lập năm 1965, trụ sở tại đường Cống Quỳnh, quận 1, Sài Gòn (nay tên gọi là Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo). Đạo trưởng Đạt Minh đặc quả, đạo hiệu là Quang Minh Huệ Tiên. Thân phụ hai vị đạo trưởng Đạt Minh và Chí Tín là ngài Lê Văn Còn (1889-1966), thánh danh Thượng Còn Thanh, phẩm Giáo Sư, là một trong các vị Đầu Họ Đạo của thánh thất Bình Hòa, thuộc Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo. Thánh thất này hiện nay ở số 174/30A đường Chu Văn An, phường 12, quận Bình Thạnh. Ngài Thượng Giáo Sư đặc quả, đạo hiệu là Minh Đức Đạo Nhơn, nhiều lần giáng cơ dạy đạo.

Trở lại chuyện gia đình chúng tôi. Thiện cảm với đạo Cao Đài đã khiến ba chồng tôi quyết định vào đạo Cao Đài. Ba chồng tôi được hai vị đạo trưởng Đạt Minh và Chí Tín tiến dẫn nhập môn tại thánh thất Bình Hòa và thường xuyên đi cúng và làm công quả tại thánh thất này. Được một thời gian, quý huynh tử trong họ đạo biết nhà ba chồng tôi ở đường Đặng Dung tại Tân Định thì

mách cho biết trong con hẻm nhỏ ở đường Trần Khánh Dư, không xa nhà chúng tôi có thánh thất Tân Định, không thuộc hệ thống một Hội Thánh nào cả. Thế là để cho thuận tiện, ba chồng tôi thường xuyên tới thánh thất này cúng kiếng, tích cực làm công quả.

Sau thời gian làm tín đồ, ba chồng tôi được họ đạo Tân Định công cử làm Phó Hội Trưởng, rồi Chánh Hội Trưởng, và sau cùng làm Đầu Tộc Đạo cho tới ngày tạ thế. Những năm cuối đời, ba chồng tôi còn làm công quả tích cực tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Ba chồng tôi tạ thế rồi, một thời gian sau đó hiền tử Hương Nghiêu (con đạo trưởng Lê Đại Luân) mới đưa thánh thất Tân Định quy hiệp Hội Thánh Cao Đài Cầu Kho – Tam Quan, tại xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (tên gọi trước kia là Hội Thánh Cao Đài Trung Ương Trung Việt Tam Quan).

Chồng tôi vẫn chưa nhập môn, dù rất có thiện cảm với đạo Cao Đài. Phần tôi thì đã quy y đạo Phật nên không khỏi đắn đo trước việc đi qua đạo Cao Đài. Ba chồng tôi có lần nói: “Đạo nào cũng tốt, cũng dạy con người biết tu hành, ăn hiền ở lành, sống lương thiện. Ba luôn luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng của vợ chồng con.”

Một đêm cuối năm 1982, tôi chiêm bao, thấy dường như đi lạc vào một khu vắng vẻ, cây cối mọc dày đặc, giống như cánh rừng. Thành linh từ đâu xông ra một quái vật lông lá hung tợn mà tôi nghĩ là quỷ dữ.

Nó ngoác to cái miệng tua tủa răng nhọn góm ghiếc, hai chân chồm chồm nhảy tới, hai cánh tay giơ thẳng ra, mấy ngón tay đầy móng vuốt đen đúa chòn vòn ngay trước mặt tôi. Hoảng sợ, tôi cuống cuống bỏ chạy. Rất lạ là tôi ốm yếu, vậy mà con quỷ không sao bắt kịp, nhưng cứ rượt đuổi theo sau, khoảng cách chừng vài thước. Tôi ráng hết sức lực, vừa hào hển chạy tháo thân, vừa chốc chốc ngoái nhìn sau lưng, khiếp đảm vô cùng!

Bỗng tôi thấy mình chạy ra tới ngoài đường cái, quang đãng. Trước mặt tôi có một nhóm người mặc áo dài trắng, quần dài trắng, đầu đội khăn đóng đen. Họ khá đông, đang đứng thành vòng tròn khép kín, tay người này nắm lấy tay người kia.

Lòng mừng vô hạn, hai chân bỗng nhiên như được thêm sức, tôi chạy băng băng tới họ. Có hai người vẫn nắm chặt tay nhau, nhưng cùng giở cánh tay cao lên, tạo thành một khoảng trống cho tôi lao vào bên trong vòng tròn. Tôi vừa lọt qua khoảng hở ấy thì hai người ấy lập tức hạ cánh tay xuống, và tôi liền được nhóm người áo trắng bao bọc kín bưng, bảo vệ chặt chẽ. Con quỷ vừa kịp chạy trờ tới. Nó bực bội đứng bên ngoài vòng người áo trắng tinh tươm, lờm lờm nhìn mọi người một lúc rồi quay lưng bỏ đi.

Tôi giật mình tỉnh mộng, tự hỏi: Ở đâu mà xuất hiện nhóm người đó? Họ ăn mặc giống hệt những tín đồ Cao Đài mà tôi thường nhìn thấy kể từ hồi ba chồng tôi nhập

môn. Họ đang làm gì trên đường cái lúc ấy để kịp thời cứu tôi thoát khỏi quỷ dữ? Nhưng tôi linh cảm rằng Ông Trên thấu hiểu sự đắn đo bấy lâu của tôi nên kín đáo nhắc nhở tôi một lời khuyên dạy.

Không để Thiêng Liêng phải nhắc nhở lần nữa, sau đó hai vợ chồng tôi cùng tới thánh thất Tân Định xin nhập môn vào ngày Chủ Nhật 14-11-1982 (tức 29-9 Nhâm Tuất). Nhưng giấc mộng lạ kỳ ấy tôi giấu kín, chỉ rất lâu về sau tôi mới kể lại cho cả nhà biết.

Má chồng tôi (Phan Thị Viết) và các chị tôi nhiều năm sau đó mới nhập môn. Cuối cùng, cả nhà chúng tôi đều trở thành đồng đạo, là những người con áo trắng đơn sơ của Thầy của Mẹ.

**NGUYỄN NGỌC THU**

*Tân Định, 25-3-2018*

#### ► NÓI THÊM

Qua câu chuyện hiền tử Nguyễn Ngọc Thu kể lại, chúng ta thấy những người *có duyên* với đạo Cao Đài đều được Ông Trên soi dẫn bằng cách này hay cách khác rất màu nhiệm. Quả đúng như câu nói dân gian: “*Con Thầy, Thầy dắt.*” Và Thầy dắt chúng ta cách nào, lúc nào thì chúng ta không bao giờ biết trước được.

# KHỔ NẠN VÀ HỒNG ÂN

**NGUYỄN THANH TÀI**

Tôi sinh ra trong một gia đình mà cha mẹ tôi đều tu đạo Cao Đài. Cha tôi là Dụ Thiện,<sup>(1)</sup> mẹ tôi là tín đồ ăn chay sáu ngày vì thế tôi trở thành người tín đồ Cao Đài từ lúc nhỏ. Có phải đây là nhân duyên tôi trở thành môn sinh nhà đạo Kỳ Ba chăng? Và đúng như vậy thì việc giữ đạo và sống đạo ra làm sao?

Tôi xin kể lại những gì đã xảy ra trên đoạn đường đời mà tôi đã trải qua.

Nhớ lại lúc nhỏ, mỗi lần cha tôi đi Thiên Bàn <sup>(2)</sup> hay

---

Huệ Khải chú thích:

<sup>(1)</sup> Cơ Quan Phước Thiện của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có chín phẩm từ thấp lên cao như sau: Dụ Thiện, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Phục Thiện, Đạt Thiện, Thuần Thiện, Chơn Thiện, Chí Thiện.

<sup>(2)</sup> Mỗi họ đạo thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài có các xã đạo. Mỗi xã đạo (đứng đầu là Chánh Trị Sự) có một thánh xá. Trước kia, miền Trung còn nhiều khó khăn, ít người lập được Thiên Bàn thờ Thầy tại nhà, vì vậy đạo hữu thường tập trung về Thiên Bàn của thánh xá trong xã đạo để lễ bái. Khi ấy, đạo hữu quen nói tắt là về Thiên Bàn.



Nguyễn Thanh Tài (Tiên Phước, Quảng Nam, tháng 3-2018)

thánh thất tôi được cha dẫn theo tập lễ bái, học kinh, học cúng, tôi trở thành đồng nhi lễ năm mười hai tuổi.

Chiến tranh ập về, màn đen bao trùm phủ kín cả cuộc đời tôi. Cha tôi ra đi vào một buổi mai trời đổ mưa rả rích, gió đông lạnh với bộ cánh màu chàm đã cũ, và choàng một tấm vải mưa màu xanh lá cây vừa tới lưng quần, theo sau có hai người cầm vũ khí. Họ nói rằng cha tôi được đưa đi cải tạo. Lúc ấy, tôi chẳng biết cải tạo là gì nhưng kể từ đó cha tôi không trở về nhà nữa. Mấy năm sau có người đến báo rằng cha tôi đã chết vì bệnh thủng.

Ba mẹ con ôm nhau khóc... Thế là mẹ tôi mất chồng, anh em tôi mồ côi cha. Mẹ tôi vò võ nuôi hai chúng tôi. Em tôi nhỏ hơn tôi ba tuổi. Mẹ thay cha làm lụng vất vả để có cái ăn cái mặc cho gia đình. Đêm phải ngủ hầm, có ngày phải chạy hai, ba lượt để trốn máy bay. Sống trong chiến tranh là vậy, lúc nào cũng nơm nớp sợ hãi, lo âu vì bệnh tật, đạn bom, chết chóc.

Thế mà cái sợ hãi đó cũng chẳng tránh khỏi. Một buổi sáng tháng Chín, tôi đi chăn bò trên núi, thì biến cố gia đình đã xảy ra. Mẹ tôi phải bỏ lại chúng tôi vì một trận pháo dữ dội. Nhà nát tan, mẹ tôi trúng mảnh pháo vào chỗ quá nghiêm nên đột ngột từ già cõi đời. Khi tôi chạy về thì hơi ối, nhà tan, mẹ chết, cảnh đau thương lên đến cùng tột! Tôi chỉ biết khóc, đỡ em tôi, còn bà con năm, bảy người chạy tới trong hoang mang, sợ hãi, an ủi chúng tôi và lo hậu sự cho mẹ tôi. Mẹ tôi đi vào lòng đất lạnh với bốn mảnh ván mà anh em tôi thường nằm, lúc

này ghép lại làm chiếc quan tài mà không có mảnh vải nào quàng lấy mảnh thân.

Mẹ tôi không còn nữa, cảnh mồ côi lại chồng lên đầu anh em tôi. Từ đó anh em tôi sống với gia đình vị Chánh Trị Sự ở cạnh xóm. Tôi về lập một bàn thờ để thờ mẹ tôi trong một góc nhà hoang nát theo hướng dẫn của vị Chánh Trị Sự xã đạo. Anh em tôi nấu cơm cúng mẹ tôi hằng bữa. Tôi về thánh thất cúng cửu. Suốt chín tuần cửu, anh em tôi ăn chay tám mươi một ngày để báo hiếu.

Một biến cố nữa lại xảy đến. Giữa trưa tháng 11 năm 1967, khi chúng tôi chuẩn bị bữa cơm trưa thì bỗng có tiếng súng nổ gần. Mọi người chạy trốn, nói: “Có càn quét!” Vì quá sợ, thấy người chạy, tôi cũng chạy. Em tôi là con gái yếu ớt, có người bảo đừng chạy, hãy ở nhà. Em tôi vâng lời.

Lính hành quân ập vào. Nhà còn lại hai con bò mà cha tôi giữ rẽ để kiếm lời nuôi chúng tôi, họ đã dắt đi, lại còn bắt em tôi đi luôn về căn cứ quân sự ở trung tâm huyện lỵ cách xa mười mấy cây số.

Khi im tiếng súng, tôi theo mọi người về lại nhà thì bò cũng như em tôi đã đi xa. Vì thương em, tôi quyết định đi tìm em. Cách đó mấy ngày sau, tôi phiêu lưu băng bộ hướng đến căn cứ quân sự theo người ta chỉ bảo. Một ngày rông rã, tôi tìm tới nơi, ngỡ rằng sẽ gặp được em mình nào ngờ lại bị bắt nhốt vào trại. Họ cho rằng tôi nghe lời cộng sản. Họ tra hỏi đủ điều nhưng thấy tôi thật

tình và thơ ngây nên ba ngày sau được thả tự do nhưng vẫn ở trong căn cứ phục vụ quét dọn, sai vặt...

Thời gian ở đây, ăn uống rất thoải mái, có đủ các loại thịt, cá, cơm trắng... Nhưng bữa nào tôi cũng xin xì dầu ăn cơm, nếu không có xì dầu thì tôi xin muối hầm. Thấy vậy có người hỏi, tôi trả lời là ăn chay tám mươi một ngày theo đạo Cao Đài để báo hiếu cho mẹ. Nhiều người bảo hãy ăn thịt cá vào, đừng nghe theo tầm bậy... Nhưng tôi vẫn thế, hết ngày này qua ngày khác.

Một buổi sáng, có một người cao cao dáng gầy, mặc bộ quân phục rằn ri đến gặp tôi và bảo rằng vài hôm nữa sẽ được ra khỏi căn cứ và về làm con nuôi người đạo Cao Đài. Lúc này tôi chẳng biết nói gì, chẳng biết vui hay buồn, mừng hay lo lắng. Điều tôi quan tâm là làm sao gặp em tôi, và tìm lại bò để đem về. Tôi quay mặt bước đi, đôi mắt rung rung, nước mắt chảy ròng ròng xuống đôi môi nghe mẩn mẫn...

Đêm hôm sau, khi ăn cơm tối xong, tôi được gọi đến một phòng nhỏ gặp một người lính to cao mặc quân phục, oai vệ nói giọng Huế. Ông bảo: “Ngày mai cho ra trại.” Vốn sợ sệt, tôi vòng tay chỉ biết “ạ” mà không có một lời nào khác. Tôi ra khỏi phòng, về lại chỗ ngủ thao thức mãi rồi không biết ngủ thiếp khi nào.

Khi tôi thức dậy, ánh sáng mặt trời đã chiếu qua các ô cửa của phòng. Người lính gặp tôi hôm nọ với chiếc xe đạp dàn dầm dựng phía ngoài cửa. Thấy tôi, anh vội

bước vào nắm tay tôi dắt ra và nói: “Hãy theo anh!” Tôi ngoan ngoãn bước theo và lên xe mà không biết mình sẽ đi về đâu...

Anh chở tôi tới một ngôi nhà, trước cổng ngõ có tấm bảng hiệu kẻ chữ đỏ: *Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài*. Anh bảo: “Nhà mình đây!”

Tại đây, tôi gặp hai ông bà hiền từ, mặc bộ đồ trắng vui vẻ hỏi mấy câu: “Cha mẹ thế nào? Con năm nay bao nhiêu tuổi? Anh chị em như thế nào?...” Tôi lần lượt trả lời trong lo âu, bối rối.

Nhưng rồi tôi cũng quen dần, thích nghi dần với nếp sống tại đây. Tôi được chỉ bảo các công việc cụ thể như quét dọn sân nhà, nấu nước cúng, soạn cúng, đánh chuông cúng. Tôi gọi hai ông bà bằng bác. Ai vào thấy tôi, hay hỏi: “Cháu nào đây?” Ông bà nói là con nuôi. Ông bà ăn chay trường vì là Chánh Trị Sự. Đến bữa tôi ngồi ăn chung với ông bà. Thấy vậy, ông hỏi: “Con ăn chay theo hai bác có nổi không?” Tôi đáp: “Thưa bác, con ăn chay tám mươi một ngày cho mẹ. Con ăn nổi.”

Từ đó tôi được gia đình quý mến như con trong gia đình và tôi cũng chăm lo hoàn thành các công việc được giao. Tôi được bà may cho bộ đồ lễ. Thỉnh thoảng tôi được ông dẫn đi chùa cúng cầu siêu. Tôi thường theo sau và tay xách chiếc cặp da.

Ngày chung cữu của mẹ tôi gần đến, tôi rất lo lắng và buồn. Đôi lúc tôi khóc một mình vì không biết phải làm



sao. Thấy vậy ông hỏi. Tôi bèn trình bày đầu đuôi câu chuyện...

Sáng hôm ấy là ngày 17 tháng 9 năm 1968, ông bảo tôi: “Ngày mai ra thánh thất cúng cửu cho mẹ con và sẽ gặp em con luôn ở đó.” Tôi mừng run lên và “dạ” mà không biết thực hư sẽ như thế nào. Đêm hôm ấy tôi ngủ không được. Thời gian sao mà dài hơn mọi đêm! Tôi trông trời sáng.

Tôi nằm mơ màng, bỗng nghe có tiếng người đi ngoài đường. Tôi vùng dậy đi đánh răng, súc miệng, thực hiện một số công việc như mọi ngày đầu vào đó. Ông gọi, bảo: “Chuẩn bị rồi đi.” Tôi dạ.

Ông đi trước. Tôi theo sau, xách chiếc cặp như thường lệ, đi một mạch đến thánh thất. Có năm, bảy người đã ở đó. Kẻ nấu ở bếp, người dọn ở nhà Báo Ân, người ở nhà thánh. Ở chính giữa nhà Báo Ân kê một cái bàn thấp hơn có bày hoa quả. Tôi nhìn trong ngoài, tìm kiếm trên dưới. Tôi thấy chẳng có chút nào hy vọng gặp lại em tôi như ông nói hôm qua.

Tôi đang suy nghĩ bỗng từ ngoài cổng có hai người đi vào, một già, một trẻ. Người tôi biết chính xác là em tôi, vẫn dáng nhỏ, gầy. Vừa thấy tôi, em vội chạy tới trước, ôm lấy tôi và khóc nức nở. Tôi cũng không cầm được nước mắt. Mọi người nhìn thấy, ai cũng cảm động.

Khi hỏi ra mới biết em tôi được người cháu của bà Phó Trị Sự là một quân nhân đem về làm con nuôi,

nhưng khi biết tình cảnh em tôi là người đạo, bà đã xin về ở cùng bà vì bà không con.

Hai anh em tôi quỳ cúng nơi Điện Thầy qua lễ chung cửu, rồi cúng vong tại nhà Báo Ân. Lòng tôi thấy nhẹ nhõm và hạnh phúc vô cùng vì tôi nhận ra rằng chỉ có môi trường sống cùng anh em đồng đạo mới được như vậy. Rồi lễ cúng tiểu tường, đại tường cũng diễn ra như thế.

Cách một năm sau, tôi được bác lập khai sinh lại và làm giấy tờ hợp lệ cho tôi vào trường, học lớp Năm. Tôi vui mừng. Ở trường tôi ra sức học tập, ở nhà tôi ra công làm việc chăm chỉ.

Sự êm ả đó chẳng được bao lâu. Đầu năm 1972 chiến sự diễn ra ở Tiên Phước.<sup>(3)</sup> Những quả đạn pháo nổ chát chúa, cảnh hoảng loạn ập đến với mọi người nơi đây. Gia đình ông bà gồm năm người trong đó có tôi phải gồng gánh chạy bộ, leo đèo vượt núi với quãng đường hai mươi lăm cây số xuống Tam Kỳ <sup>(4)</sup> lánh nạn cùng mọi người.

Đạo hữu Cao Đài được tập trung về thánh đường Quảng Tín <sup>(5)</sup> và được sự giúp đỡ của tỉnh đạo Quảng

---

<sup>(3)</sup> Nay là một huyện phía Tây tỉnh Quảng Nam.

<sup>(4)</sup> Bấy giờ là một quận thuộc tỉnh Quảng Tín; nay là thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam.

<sup>(5)</sup> Nay là Thánh Đường Quảng Nam nhưng dòng chữ ở mặt tiền vẫn giữ nguyên là *Thánh Đường Quảng Tín*.

Tín, đứng đầu là Giáo Sư Thái Phẩm Thanh. Chúng tôi ăn ở tại đây hơn một tháng thì quê hương Tiên Phước tạm yên tiếng súng, cảnh an bình được lập lại. Gia đình hai ông bà trở về quê cùng mọi người, riêng tôi quyết định xin ông bà ở lại tại tỉnh đạo lập công tu học. Được ông bà chấp thuận, nhất là bác Giáo Sư thương tình giúp đỡ, tôi yên tâm sống và làm việc tại đây. Một buổi làm ở tại trại gỗ, xẻ gỗ, bốc gỗ, bán gỗ cùng một số anh em. Một buổi tỉnh đạo cho đi học văn hóa tại trường tư thục Hưng Đạo. Thời gian còn lại lo cúng kính tu học.

Sau tháng Tư năm 1975, hầu hết những người trong tỉnh đạo xin về quê sinh sống. Cuộc sống ở đây khó khăn dần, bởi ruộng đất bị chính quyền trưng thu, trại gỗ ngưng hoạt động. Một số anh em tình nguyện ở lại trong đó có tôi, sáng ra cùng bác Giáo Sư với chiếc xe bò chở cuốc xẻng, thức ăn cộc cạch kéo lên tận khu vực nghĩa địa ở Tam Thái vỡ đất trồng khoai, đậu. Chiều tối mới về tỉnh đạo.

Thời gian này nơi quê nhà, em tôi đang sống với bà cô ruột tuổi đã bảy mươi, cuộc sống quá khó khăn, làm hợp tác, ăn công điểm. Buộc lòng tôi phải về quê sinh sống giúp đỡ cô và em tôi. Nhờ vào mảnh vườn có chè, thơm, mít, mấy sào đất trồng khoai củ, cái ăn cái mặc dần dần tạm ổn. Tôi quyết định tiếp tục học lại chương trình lớp Mười Một đang dang dở, và tôi đã tốt nghiệp phổ thông trung học năm 1980. Sau đó tôi lấy vợ, cũng người đạo Cao Đài, làm cô giáo.

Vợ đi dạy, chồng làm nông nuôi con nhỏ, cuộc sống đời thường khó khăn, bận rộn. Với vai trò Trưởng Ban Phổ Tế tại họ đạo Khánh Vân,<sup>(6)</sup> tôi còn thêm phần sinh hoạt đạo sự vào các ngày sóc vọng, cầu siêu, tang tế.

Thời gian này, vợ chồng tôi sinh được hai con trai. Năm 1983 cô tôi qua đời với phẩm vị Phó Trị Sự.

Một biến cố lớn lại xảy đến với chúng tôi. Vào buổi trưa 17 tháng 7 năm Ất Sửu (1985) một trận hỏa hoạn đã thiêu rụi toàn bộ gia sản của chúng tôi, nhưng ân phước lớn là hai con nhỏ của chúng tôi thoát nạn.

Chúng tôi lại trắng tay. Vợ tôi hằng đêm ôm con khóc nhiều. Bà con hàng xóm thương tình, kẻ cây tre, người tấm tranh đem đến, che lợp cho chúng tôi một túp lều đủ kê một chiếc giường cho bốn chúng tôi trú nắng mưa qua cơn khốn khổ. Đạo hữu, bạn bè cũng xót xa chia sẻ, an ủi. Kẻ nắm gạo, người chiếc nồi, chén, đĩa.

Điều xúc động nhất mà mỗi lần nhắc tới tôi đều không cầm được nước mắt. Đó là hình bóng bác Giáo Sư Thái Phẩm Thanh đến thăm chúng tôi giữa tiết trời tháng 7 nóng bức với chiếc xe đạp dàn dầm sơn màu trắng. Trên xe bác chở một can dầu phộng cỡ năm lít và một cái bao lát trắng đựng mấy chục lon gạo để cho tôi.

Tôi ngỡ ngàng cảm động tiếp bác trong cảnh hoang

---

<sup>(6)</sup> Tại thôn Tiên Bình, thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

tàn đổ nát vì lửa không có chỗ ngồi. Năm lấy tay tôi, với giọng ấm áp, ôn tồn, bác trừu mến bảo: “Mọi việc đều có Thầy sắp xếp, con ráng tu.”

Tôi cúi đầu “ạ” và thấy cổ họng mình nghẹn ngào, thấy lòng mình dịu mát dù giữa tiết trời nóng bức. Nghẹn ngào vì sự quan tâm của một anh lớn đối với một em nhỏ, khi nghĩ lại mình chưa có công đức gì. Nghe lòng dịu mát vì bàn tay mát rượi của bác, giọng nói hiền từ, ánh mắt thân thương của bác đi vào tận đáy lòng. Bác quay ra không kịp nghĩ, chỉ uống một ly nước chè xanh, rồi ra về với chiếc xe đạp, phải vượt qua gần ba mươi cây số.

Thế là tất cả phải làm lại từ đầu. Năm tháng qua đi, vượt qua những nỗi khổ, sống nhờ vào đồng lương của vợ, ngày đêm tôi vừa ra sức lao động làm ra của cải vật chất, vừa ra sức tu học theo lời dặn dò của bác Giáo Sư để nuôi dưỡng tinh thần, cộng với sự giúp đỡ của bà con, bạn bè, đạo hữu.

Ba năm sau tôi đã làm lại nhà chính bằng gỗ, xây gạch, nhà bếp bằng tre có nơi ăn chốn ngủ. Tôi bàn với vợ phải thờ Thầy; vợ tôi đồng ý. Thế là nhà tôi thờ Thầy từ năm 1988; tôi nguyện ăn chay mười ngày mỗi tháng.

Hai năm sau, tôi thọ Tướng Châu vì lúc ấy không truyền Linh Châu. Tôi chẳng hiểu vì sao; ở họ đạo tôi, ai cũng vậy. Sau đó, tôi được họ đạo cử đi tham gia học lớp Hưng Đức I tại Trung Hưng Bửu Tòa. Sau ngày tốt

nghệp tôi được nhân sanh thương yêu tín nhiệm, Hội Thánh tin dùng nên tôi được cử làm Chánh Trị Sự và bầu vào Ban Cai Quản lần thứ hai, làm Trưởng Ban Phổ Tế của họ đạo.

Tôi còn kiêm nhiệm Chánh Trị Sự xã đạo Đồng Nga - Tả Lâm. Tại đây bốn đạo chỉ vốn vẹn mười gia đình, nhưng tôi đã cùng mọi người ra công góp sức xây dựng được ngôi nhà cấp bốn để làm nhà thánh hầu bốn đạo có nơi thờ phượng, lễ bái.

Năm 2016, tôi được họ đạo cử đi tham gia học lớp Hưng Đức hệ Hoằng Giáo. Hiện nay tôi đã nguyện trường trai. Với nguyện vọng tham gia hành đạo, tôi tham gia hàng ngũ Phổ Tế điều phối tại Quảng Nam.

Vợ tôi đã nghỉ hưu, thọ Tướng Châu, ăn chay mười ngày mỗi tháng, được nhân sanh đề cử làm Chánh Trị Sự xã đạo Đồng Nga - Tả Lâm, kiêm nhiệm Thư Ký Văn Phòng Nữ Phái và là Thủ Quỹ của họ đạo. Vợ tôi còn được tham gia vào đoàn Phổ Tế Lưu Động của Hội Thánh và cũng được Ban Đại Diện Hội Thánh tại Quảng Nam mời tham gia đoàn Phổ Tế theo chương trình điều phối công tác Phổ Tế.

Các con tôi đã trưởng thành. Cả ba đều tốt nghiệp đại học, ra trường có công việc làm ổn định, dù đi làm xa nhưng quy giới vẹn gìn. Một điều đáng mừng nhất là các con, các cháu nội của chúng tôi đều được thực hiện đúng theo pháp Đạo: sinh nhật, tắm thánh, thành nhân... Các

con tôi sống và làm việc giữa thời kỳ vật chất câu như nhưng không sa ngã, hư hỏng.

Kể lại câu chuyện rất thực trên đây, tôi vẫn chưa nói hết được những ngõ ngách của quá trình bản thân giữ đạo và sống đạo, với những nỗi buồn, những niềm vui của một thời đã sống. Nhưng dù thế nào đi nữa, tôi vẫn hạnh phúc vì tôi là người có nhân duyên với đạo Cao Đài, đã vượt qua biết bao thử thách. Bây giờ tôi vẫn sống, trên có Thầy, dưới có vòng tay thương yêu của đồng đạo. Cuộc đời tôi mai sau dài ngắn thế nào, dầu còn thử thách thế nào đi nữa, tôi vẫn tâm nguyện:

*Mặc cho ma quỷ cản ngăn,  
Thân này hiến trọn quyền năng ở Thầy.<sup>(7)</sup>*

**NGUYỄN THANH TÀI**

#### ► NÓI THÊM

Hồi ức trên đây đăng *Sống Đạo*, tập Đỉnh Dậy 2017-6, tr. 35-41, do Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài ấn tống, liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội 2017).

Con đường đời vốn không suôn sẻ của huynh Nguyễn Thanh Tài rất cuộc đã làm chứng cho lời dạy của Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn (14-7-1973): *Lòng con tin Đấng Cao Đài / Đạo đời Trời sẽ an bài cho con.*

---

<sup>(7)</sup> Đức Tổng Lý Hưng Đạo, thánh thất Ngọc Linh Đài, ngày 02-5 Mậu Tuất (Thứ Tư 18-6-1958).



Diệu Nguyên

## LÁ RỤNG VỀ CỘI

### DIỆU NGUYÊN

Gia đình tôi đạo gốc: Cả hai bên nội ngoại đều theo đạo Cao Đài từ đời ông bà cố và đã có một số vị đắc quả vào hàng Tiên Thánh. Vì ông bà nội mất sớm nên mỗi dịp lễ tết hoặc nghỉ hè, gia đình tôi đều về với ông bà ngoại. Thuở bé, mỗi khi về Sài Gòn, tôi đều được mặc áo dài theo ngoại đi thánh thất (mà chúng tôi quen nói là đi *chùa*) và dự những buổi hầu đàn thâu đêm suốt sáng. Nhiều lúc mệt quá, tôi nằm lăn quay ra sàn đất ngủ ngon lành.

Hằng ngày ở nhà, mỗi khi bận việc, má thường bảo tôi thay má châm nước cúng Thầy. Nhờ vậy mà lên tám, lên chín, tôi đã thuộc nằm lòng tất cả các bài kinh cúng tứ thời mặc dù không hiểu nghĩa lý chi cả. Tôi còn nhớ, mỗi khi đang mãi chơi mà bị má bảo đi cúng thì đúng là như cóc bị bắt bỏ đĩa, tôi đọc kinh với tốc độ của máy bay phản lực để mau chóng quay trở lại cuộc chơi. Má biết được thường mắng yêu: “Con đọc kinh kiểu gì mà như xe lửa chạy vậy, Trời Phật không chứng cho đâu!”

Tuy nhiên, cũng có lúc tôi thành tâm lắm và đức tin nơi lòng một đứa trẻ tám, chín tuổi nhiều lúc thật buồn

cười, ngộ nghĩnh. Thuở ấy, mỗi khi quỳ trước Thiên Bàn đọc kinh, tôi thường tưởng tượng: Giả dụ như lúc tôi đang cúng mà có hỏa hoạn xảy ra thì chắc chắn là phòng thờ nơi tôi đang quỳ sẽ không bao giờ bị ngọn lửa xâm phạm. Và tuy còn bé xíu, tôi đã biết ăn chay mười ngày mỗi tháng như ba má.

Năm tôi mười hai tuổi, đất nước có nhiều thay đổi và đời sống người dân miền Nam cũng lắm đổi thay cả về vật chất lẫn tinh thần. Đang tuổi học trò, cũng như bao thanh thiếu niên khác cùng trang lứa, các sinh hoạt ngoại khóa ở nhà trường và trong khu phố theo thời gian đã chi phối tôi rất nhiều. Những kiến thức tôi tiếp thụ từ môi trường ấy dần dần khiến tôi “duy lý” hơn. Tôi không còn giữ thập trai như trước. Lý lịch học sinh, phần tôn giáo, tôi ghi: *Không*.

Có lần tôi nói với ba tôi: “Ba ơi, làm gì có Thần Thánh Tiên Phật, và cũng làm gì có cuộc sống sau khi chết. Con người chết là hết.”

Khi ấy, ba tôi không trả lời gì hết mà chỉ nở một nụ cười hiền từ. Nhưng, cứ mỗi lần dắt xe đạp ra cổng để đi hành đạo tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, ba tôi đều nói: “Ba đi hành đạo kiếm phước cho các con.” Bây giờ tôi mới hiểu vì sao ba không hề phản bác hay la mắng tôi về câu nói ấy: Chắc hẳn trong lòng ba có một niềm tin mạnh mẽ rằng lá xanh rồi cũng có ngày rụng trở về cội.

Đến năm mười bảy tuổi, tôi thi đậu vào đại học nhưng



chỉ học được vài ba tháng thì bị bệnh. Sau khi nằm bệnh viện một tháng, tôi bình phục trở lại nhưng vẫn không thể tiếp tục đi học vì đã mất quá nhiều bài vở nên phải nghỉ ở nhà một năm. Thời gian rảnh rỗi, tôi chỉ biết đọc sách, làm việc nhà... đôi lúc cũng thấy buồn chán. Ba tôi đề nghị: “Hay con đi sinh hoạt thanh thiếu niên trong chùa với ba đi!” Tôi nghe theo ba và ngày Chủ Nhật hôm ấy, hai cha con tôi cùng đạp xe đến Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.

Tôi được các anh chị trong Thanh Niên Vụ đón tiếp niềm nở. Tôi thấy sao ai cũng nói chuyện hiền lành dễ thương. Chị Kim Dung rủ tôi tham dự một buổi tối sinh hoạt của vườn Vạn Thảo, là khu vườn ươm cây của Đại Đạo với đủ các sắc hoa màu cây mang những cái tên thật hay ho và đáng yêu như là Sao Nháy, Tường Vi, Phong Lan, Phi Lao, Trắc Bá, v.v... Các anh chị ấy truyền cho tôi ngọn lửa nhiệt thành tâm đạo và làm sống lại đức tin trong tôi, đức tin mà ông bà và cha mẹ đã truyền cho tôi từ thuở ấu thơ. Buổi tối sinh hoạt hôm ấy làm cho lòng tôi rung rung tỉnh thức.

Rồi thêm một may mắn khác lại đến với tôi: Chỉ vài ngày sau đó, Thanh Niên Vụ mở lớp Tu Sĩ khóa mới. Chị Kim Dung bảo tôi đi học và còn giao cho tôi làm lớp trưởng nữa chứ. Thế là tôi đã gắn bó với Thanh Niên Vụ, với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý kể từ ấy.

Rằm tháng Sáu năm đó [Thứ Năm 16-7-1981] tôi

nhập môn Cao Đài [tại thánh tịnh Ngọc Minh Đài] và trong lòng thầm nguyện giữ trọn thủy chung như lời thệ ước với Đức Đại Từ Phụ.

Tôi thầm tạ ơn Trời Phật đã cho tôi được bệnh, tạ ơn đấng sinh thành đã dìu dắt tôi trở về nguồn cội, và cảm ơn các anh chị giáo sĩ ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã truyền cho tôi ngọn lửa nhiệt thành tâm đạo. Ngày nay, tôi lại dìu dắt các con tôi đi theo con đường đạo đức của cha ông với ước mong các cháu sẽ là người nối tiếp đạo nghiệp trong tương lai, để mối đạo Cao Đài được hoằng khai rộng khắp năm châu như lòng mong mỏi của Đức Đại Từ Phụ.<sup>(1)</sup>

## DIỆU NGUYÊN

---

<sup>(1)</sup> Trích trong *Xuân Chung Tâm*, tr. 95-97, do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện, liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội 2011).

## ƠN THẦY SOI LỐI

### HUỆ KHẢI

Năm tôi tròn hai mươi tuổi tây thì đúng nhằm lúc lịch sử sang trang. Nói như Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, đó là “*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi...*”

Có hai câu lục bát của nhà thơ Hoài Khanh rất phù hợp với nỗi lòng tôi hơn bốn mươi năm trước:

*Thôi em hạnh phúc già từ  
Thời hai mươi tuổi đã mù khói sương.*

Em trong câu thơ ấy không phải là tình nhân, không phải là bạn gái, không phải là một bóng dáng tha thướt yêu kiều buộc tôi phải mượn thơ Nguyên Sa mà thú nhận:

*Gặp một bữa anh đã mừng một bữa  
Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn.*

Vâng, với tôi thuở ấy, em trong câu thơ chỉ là nhân cách hóa một ước vọng thanh xuân. Nhưng ước vọng ấy vụt tan biến vào hư không ở tuổi hai mươi nên tôi hụt hẫng, chỉ biết tìm khuây lảng trong bọn bề sách cũ, để rồi phát tâm ăn chay trường cái rụp sau khi tình cờ đọc tập sách mỏng *Cô Ba Cháo Gà Du Địa Phủ*.

Thời sinh viên tôi có một cô bạn đồng môn. Mãi lâu về sau tôi mới biết cô là cháu cố Đốc Phủ Sứ Trần Nguyên Lượng, một tiền bối Cao Đài cùng thời các tiền khai Cao Đài, đặc quả Chiêu Minh Chơn Thánh.

Thấy tôi ăn chay trường, cô bạn đồng môn về nhà lục trong tủ sách cụ cố lưu truyền, đem cho tôi mượn *Đại Thừa Chơn Giáo* và *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*.

Đọc *Đại Thừa Chơn Giáo*, tôi thấy Đức Cao Đài dạy:

*“Nên hội Tam Giáo Công Đồng, Thầy lập tờ đoan thệ, đem Đạo màu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.*

*Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.”*

Rồi Đức Cao Đài nhắc lại lời dạy ấy bằng bài thơ tứ tuyệt:

*Muôn kiếp các con chịu lạc đường  
Thấy vầy Thầy lưỡng động lòng thương  
Nên đoan thệ với hàng Tiên Phật  
Lập Đạo không thành chịu tội ương.*

Đọc tới đó tự dung nước mắt tôi tuôn trào, người tôi nổi gai ốc. Ngay lúc ấy từ sâu thẳm tâm linh, tôi biết rõ rằng đạo Cao Đài chính là đạo của tôi, mặc dù cả nhà tôi hơn bốn mươi năm trước không ai biết Cao Đài là gì hết.

Tôi hỏi cách xin vô đạo Cao Đài. Nhưng gia đình cô bạn đồng môn không giúp được. Dường như “nhiệm vụ” của cô bạn ấy chỉ là đem cho tôi mượn hai bộ *Đại Thừa*

*Chơn Giáo và Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* mà thôi.

Ở nhà ba má tôi có thờ Phật Thích Ca đã nhiều năm, từ lúc ba tôi dạy học ở miền Tây cho đến khi dọn lên Sài Gòn. Tôi thấy trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* Đức Chí Tôn dạy:

*Thích Ca Mâu Ni thị Ngã... kim viết Cao Đài.*

Thế là tôi yên tâm, tạm gác lại chuyện xin nhập môn, cứ noi theo hướng dẫn trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển* mà cúng Thầy hàng ngày. Tôi quỳ lạy trước hình vẽ Phật Thích Ca nhưng niệm *Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát*. Dĩ nhiên, tôi chẳng có khăn đóng đen, áo dài trắng chi hết. Tôi cũng chưa biết tụng kinh cúng Tứ Thời.

Mãi hai năm sau, vào đầu mùa hè Đinh Ty [1977] tôi mới có cơ duyên được một bạn đạo [Thiện Căn Lê Văn Phú] dẫn dắt về Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc, Long An) nhập môn Cao Đài. Người bạn đạo ấy lớn tuổi hơn tôi rất nhiều nên tôi gọi bằng chú. Ông dắt tôi vào Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam và tôi gia nhập tập thể Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý. Về sau, ông tu theo pháp môn Chiếu Minh và đặc quả là Huỳnh Quang Chơn Nhơn.

\*

Hiền giả người Pháp là Pascal nói: *“Cái tôi đáng ghét.”*

Vừa rồi tôi đã làm một việc thật dễ ghét là đem cái tôi

đáng ghét của mình mà tâm tình với các bạn trẻ.<sup>(1)</sup> Thật ra qua chuyện cũ ấy tôi muốn chia sẻ một suy niệm từ trải nghiệm bản thân.

Khi chủ biên *Đại Đạo Văn Uyển* (nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, ba tháng ra một tập), bốn năm nay [2012-2016] tôi vẫn mời gọi quý tín hữu Cao Đài gửi bài cộng tác và kể lại nguyên do vì sao quý vị vào đạo Cao Đài.

Vấn đề này đáng cho chúng ta quan tâm lắm chứ. Người nước ngoài cũng hay quan tâm tìm hiểu lý do vì sao chúng ta theo đạo Cao Đài thay vì một tôn giáo khác.

Từ ngày 01-7-2015 tới 30-4-2016, có một dự án của sinh viên châu Âu đi qua ba mươi ba quốc gia ở bốn lục địa Âu, Á, Phi, Mỹ để thúc đẩy những sáng kiến về chung sống liên tôn giáo. Website của họ là [www.interfaithtour.com](http://www.interfaithtour.com). Để thực hiện dự án, họ chia thành nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm đi tới một số nước.

Đầu tháng Hai năm nay, một nhóm năm anh chị đã ghé Sài Gòn. Họ muốn tìm hiểu về đạo Cao Đài nên nhờ linh mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc, Trưởng Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn của Tổng Giáo Phận TpHCM làm cầu nối, và linh mục Bảo Lộc mời tôi đến văn phòng Ban

---

<sup>(1)</sup> Hồi ức này trích trong bài nói chuyện với các bạn trẻ môn sinh Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài tại Linh Tháp (thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) vào chiều ngày Thứ Năm 11-8-2016. (Xem: Huệ Khải, *Giữ Lửa Cho Nhau*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội 2016, tr. 57-63.)

Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn tiếp chuyện họ.

Thế là chiều Thứ Sáu ngày 05-02-2016 tôi trò chuyện với ba cô sinh viên châu Âu trong nhóm năm bạn trẻ đó. Một cô theo Do Thái Giáo, một cô theo đạo Thiên Chúa, và một cô vô thần (không theo tôn giáo nào). Họ đặt cho tôi một số câu hỏi về đạo Cao Đài, trong đó có câu này: *Tại sao ông theo đạo Cao Đài?*

Câu hỏi của họ trùng hợp lòng mong muốn nhiều năm nay của tôi là ấn tống được một tập sách tương đối dày dặn, bao gồm những chuyện kể của các đạo hữu cho biết lý do vì sao trong lúc quanh ta đang có sẵn những tôn giáo lâu đời, bề thế, hoành tráng, được coi là tôn giáo hoàn cầu mà ta không chọn không theo, ta lại gõ cửa Cao Đài, một tôn giáo vốn chịu nhiều ngộ nhận, xuyên tạc và bách hại từ khi vừa ra đời.

Nếu làm được cuốn sách mong ước đó, kết tập nhiều câu trả lời khác nhau từ nhiều tín hữu khác nhau, tôi tin rằng sẽ giúp chúng ta hiểu được sự nhiệm mầu của ơn cứu độ Kỳ Ba, thấy được cách Thượng Đế đưa tay nắm lấy chúng ta rất diệu kỳ.

Hẳn chúng ta đều biết, xưa kia, ngày Thứ Năm 31-12-1925 tại phố Hàng Dừa ở Sài Gòn (nay là đường Cống Quỳnh), Đức Chí Tôn hỏi ba vị tiền khai Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc rất trù mẫn như sau:

*“Thầy đến với các con như thế ấy, các con có thương Thầy không?”*

Câu hỏi ấy của Thầy sẽ luôn luôn còn vang vọng trong sâu thẳm tâm hồn từng tín hữu chúng ta mỗi khi chúng ta hồi tưởng lại cách mà Thầy đã âm thầm đưa tay dắt dìu chúng ta trở về với Thầy.

Phần tôi, khi ngộ ra Thầy đã mạc khải cho mình như thế nào, tôi bày tỏ:

*Tạ ơn Thầy âm thầm đưa con tới  
Chiếc thuyền từ giữa bể khổ đầy vơi  
Thân nghiệp chướng nếu không Thầy soi lối  
Con làm sao thành thật biết ơn đời.<sup>(2)</sup>*

Tôi xét trường hợp bản thân, hiểu rằng mình đã không tìm kiếm, không chọn lựa; nhưng hễ đúng ngày đúng giờ thì Thầy đưa tay dắt mình vô cửa Đạo.

Tôi luôn nghĩ rằng hôm nay sở dĩ anh chị em chúng ta được làm môn đệ Cao Đài là bởi trước khi sinh vào cõi Diêm Phù Đề này chúng ta đã se duyên với Cao Đài.

Chúng ta có thể tin như vậy bởi vì tại Trung Hưng Bửu Tòa, vào ngày 01-01 Bính Thân (Chủ Nhật 12-02-1956), Đức Chí Tôn dạy:

*Thân con, thân của Cao Đài  
Người con, người của Thầy sai xuống trần.*

**HUỆ KHẢI**

---

<sup>(2)</sup> Biết ơn đời đã “nổi cơn gió bụi”, giúp tôi ngộ đạo Cao Đài.

# TÔI VÀO ĐẠO CAO ĐÀI

## KHA CHƠN TÂM

### I. CĂN TU

Tôi được sinh ra ở ngoài Bắc Việt (Hà Nội) trong gia đình không có đạo gì ngoài đạo thờ cúng ông bà, cha mẹ đã từ trần.

Thế mà khi còn nhỏ, lúc ấy lối mười một hay mười hai tuổi, một hôm tôi ngồi nghe có chị vú ru em hát hai câu này:

*Chữ rằng nhất nhật tu thân  
Mấy kiếp phong trần rũ sạch như không.*

thì lòng tôi bỗng xúc cảm vô cùng và hai câu ấy đã ngân nga mãi trong tâm hồn non trẻ của tôi lúc bấy giờ, chẳng khác nào tiếng chuông chùa trong lúc bình minh làm giật mình kẻ mê danh mướn lợi triền miên như trong câu thơ:

*Thoảng bên tai một tiếng chày kinh  
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.*

của ông Nghè Chu Mạnh Trinh trong bài hát nói đi viếng Chùa Hương Tích.<sup>(1)</sup>



Tiền bối Chơn Tâm (Nguyễn Triệu Kha, 1908-1995)  
đặc quả Viên Thông Chơn Tiên (2009).  
Ảnh Thiện Tín (CQPTGLĐĐ) tặng.

Lớn lên, vào lúc tuổi thanh niên, lâu lâu tôi lại thích ăn chay một bữa cho tinh thần sáng khoái và có lần đã lên núi Tản tầm Tiên, nhưng đi vài bữa lại trở về ngay với đời sống phàm tục.

Do đó nhiều người quen biết với gia đình tôi đã bảo “thằng Kha này có căn tu” tức là có gốc tu hành đem lại từ kiếp trước.

Tôi được vào đạo Cao Đài nhờ nhạc mẫu tôi. Từ khi bà nhập môn Cao Đài Giáo hồi đầu năm 1938 thì lâu lâu bà lại từ Cà Mau lên Sài Gòn thăm vợ chồng tôi và cố gắng độ chúng tôi.

Bà thường đem theo những bài thánh giáo do Đấng thiêng liêng giảng cơ dạy đạo để chúng tôi nhờ đó mà thức tỉnh lòng trần còn lắm mê muội. Nhưng hỡi ôi! Nghiệp chướng của chúng tôi khi ấy còn quá nặng nề nên lời Tiên tiếng Phật quý báu chưa làm sao cải hóa được chúng tôi mà lôi kéo về chốn thiên môn, thánh thất.

Thật ra cũng tại thánh giáo đầu tiên mà nhạc mẫu tôi đem đến là thánh giáo của ông Tề Thiên Đại Thánh giảng cơ thành thử tôi không coi, cho rằng Tề Thiên Đại

---

Huệ Khải chú thích:

<sup>(1)</sup> Đây là hai câu trích trong bài hát nói (ca trù, hát ả đào) của nhà Nho Chu Mạnh Trinh (1862-1905), nhan đề là *Phong Cảnh Hương Sơn*. Ông Chu thi đậu tiến sĩ (năm 1892) nên thường được gọi là “ông Nghè”.

Thánh chẳng qua là một ông Thánh tướng tượng mà người ta bịa đặt ra trong truyện Tây Du chớ làm gì có thật.<sup>(2)</sup> Cho nên tôi không tin nổi và cũng chưa có ý nhập môn vào Đạo của nhạc mẫu tôi. Nhưng sự tu hành thật ra đều do tiền định của trời đất, tùy theo nhân duyên từ kiếp trước của mỗi người. Chừng nào đến thời kỳ tu hành mới có thể được tiếp dẫn vào đường chính đạo của Ông Trên.

## II. GẶP ĐẠO CAO ĐÀI

Thời kỳ ấy đến với tôi vào lúc chạy giặc từ Sài Gòn về Cà Mau hồi tháng 11 dương lịch năm 1945, khi (...) quân đội thực dân Pháp trở lại Việt Nam gây nên một biến cố hãi hùng. Tại tỉnh lỵ Cà Mau,<sup>(3)</sup> nhạc gia tôi có một cái

---

<sup>(2)</sup> Về tính hư cấu của nhân vật Tề Thiên Đại Thánh, và lý do Tề Thiên Đại Thánh giảng cơ trong đạo Cao Đài, quý bạn đọc có thể tham khảo quyển 31-2 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo: Huệ Khải, *Giải Mã Truyện Tây Du*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2011, nhất là hai bài “Hầu Vương Được Hư Cấu Như Thế Nào?” (tr. 164), và “Bài Phú Tây Du Trong Đạo Cao Đài” (tr. 170).

<sup>(3)</sup> *Cà Mau*: Thời Pháp thuộc, vào thập niên 1940, Cà Mau là một quận thuộc tỉnh Bạc Liêu. Ngày 09-3-1956, theo Sắc Lệnh 32/VN, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa lấy quận Cà Mau và bốn xã Định Thành, Hòa Thành, Tân Thành, Phong Thạnh Tây của quận Giá Rai (tỉnh Bạc Liêu) lập thành tỉnh Cà Mau, tỉnh lỵ là Cà Mau. Có lẽ nhầm lẫn thời gian nên tiền bối Chơn Tâm viết “*tỉnh lỵ Cà Mau*” khi nhắc tới những năm 1940.



nhà kiểu tây khá lớn cất bên nhà máy xay lúa Nam Hiệp Thanh cũng của ông nhạc tôi và nơi ấp Cây Giá cách xa tỉnh lỵ mười cây số, lại có một cái nhà mát cất ở trong điền gần chùa gọi là thánh tịnh Hắc Long Môn.<sup>(4)</sup> Chùa này là chùa Cao Đài thờ Đức Thượng Đế Chí Tôn do ông nội vợ tôi cất lên và hiến dâng cho Đạo để làm chỗ chiêm ngưỡng Trời Phật Thánh Thần cho dân chúng địa phương.

Khi tôi chạy giặc về nhà vợ thì trước hết tá túc ở tại tỉnh lỵ Cà Mau, sau lại phải tản cư về trong ruộng tại căn nhà mát ấp Cây Giá vào lúc đầu trung tuần tháng Mười âm lịch năm Ất Dậu (1945).

Rất may thay, chiều hôm đến ấp Cây Giá thì bà nhạc mướn tôi bảo tối nay trên chùa có lập đàn cơ vì bộ phận thông công mới được Ông Trên sai xuống từ quận Tam Bình (Vĩnh Long) đến thánh tịnh Hắc Long Môn lập đàn dạy đạo cho nhơn sanh vào giờ Tuất tức là tám giờ tối.

Chúng tôi được bà dắt xuống chùa chào hỏi các vị chức sắc cùng chư đạo hữu và sau đó để hầu đàn.

Đến giờ lập đàn cơ, đồng tử Huệ Vân là một thanh niên trạc hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi, khăn trắng, áo choàng trắng có cột sọt dây sắc lịnh chững chạc, vào chánh điện ngồi đồng tiếp diễn Thiêng Liêng.

---

<sup>(4)</sup> Nhiều người quen gọi thánh thất, thánh tịnh Cao Đài là *chùa*.

Bộ phận thông công gồm có một ông pháp đàn, quỳ sau đồng tử với một vị độc giả cũng khăn áo chỉnh tề đứng gần đồng tử và hai vị điển ký, tất cả đều được Đấng thiêng liêng chuyển từ Tam Bình (Vĩnh Long) xuống đây để hành sự và mới tới hồi xế chiều.

Khi đến giờ lập đàn, đồng tử ngồi nâng càn cơ chí trán và ngồi xoay mặt vào Thiên Bàn là nơi thờ Trời, trong khi đó các vị trong bộ phận Hiệp Thiên Đài đến đọc bài cầu Tiên với một giọng rất êm đềm, du dương.

Đọc gần hết bài cầu thì đồng tử nhắm mắt mê man tiếp diễn Thiêng Liêng và múa càn cơ gõ xuống mặt bàn để trước mặt và viết rất mau. Một lát sau vị đứng trước bàn đồng tử làm phận sự độc giả mới đọc ra chữ thì mọi người đều chăm chú lắng nghe mới biết có Đấng thiêng liêng là Đức Lý Đại Tiên Trưởng Thái Bạch Kim Tinh Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giáng cơ dạy đạo cho các môn đồ. Tức thì tiếng chuông boong boong nổi lên chào mừng Đức Đại Tiên Trưởng và tất cả mọi người có mặt ở trước chánh điện đều phủ phục xuống lạy chào.

Đó là lần đầu tiên tôi được mục kích cuộc cầu cơ trong đạo Cao Đài cho nên tôi rất chú ý xem xét cử chỉ của mọi người hầu đàn, thấy ai ai cũng có vẻ rất thành kính và đồng tử cầm ngọn cơ viết rất mau trên mặt bàn, đồng thời độc giả cũng cất tiếng đọc lia lịa rất mau.

Dạy các môn đồ một lát, Đức Đại Tiên Trưởng ngừng lại, ra lịnh cho nhóm điển ký chép đàn cơ đọc lại từ đầu

cho tất cả đều nghe, thì tôi mới nhận ra đầu tiên là một bài thi bát cú quán thủ xưng danh hiệu như sau:

*THÁI quá e cho phải lụy mình  
BẠCH tâm chiêm nghiệm mấy lời mình  
KIM thành ắt phải dày công gắng  
TIN(H) chắc khổ đây ráng giữ mình  
GIÁN(G) đoạn tại trò gậy gián đoạn  
HẮC lưu cô quạnh thất hồi kinh  
LONG đong vắng vẻ người xa bóng  
MÔN đệ vì ai lắm tệ tình.*

Rồi tiếp đến lời dạy bằng văn xuôi, đại ý Đức Thái Bạch Kim Tinh dạy đến một ngày kia Ông Trên chuyển cơ thử thách trong đạo Cao Đài để khử trừ lưu thanh thì chừng đó mới rõ chơn giả, biết bao nhiêu kẻ sẽ bỏ Đạo theo đời, tưởng Đạo Thầy sẽ không đi đến đâu... ai dè Đạo ấy mới thật là cái cầu độ chúng cứu người hiền lương sau này.

Sau khi đàn cơ tiếp tục trong mấy tiếng đồng hồ với những điểm danh cá nhân hàng mấy chục người, Đức Thái Bạch Kim Tinh bỗng gọi tên tôi và ban cho một vé bốn câu như sau:

*KHA hiền đệ giúp cho cơ Đạo  
Lời kêu ca của Lão đây cùng  
Hắc Long phận sự hành chung  
Lo bề đạo đức, thẳng dùn mặc ai.*

Đó là Ngài có ý dạy tôi phải vào đạo Cao Đài để lập

công bồi đức.

Thấy tôi được điểm danh, nhạc mẫu tôi mừng lắm bảo: “Vậ thì sáng mai là ngày rằm tháng Mười âm lịch tức là một ngày rằm lớn, má sẽ nói với ông Phối Sư Giác làm lễ nhập môn vào đạo Cao Đài cho con để giúp Đạo theo lệnh của Đức Giáo Tông.”

### III. NHẬP MÔN ĐẠO CAO ĐÀI

Sáng hôm rằm làm lễ nhập môn, khi ông Phối Sư Giác hỏi tôi xin ăn chay tháng mấy ngày thì tôi trả lời: “Dạ thưa ông, con không biết ăn chay vì chính sáng hôm nay con cũng đã qua bên chợ điểm tâm bằng bánh tằm xiu mại rồi.” Nhưng ông Phối Sư cho biết vào đạo Cao Đài ít nhất là phải ăn chay một tháng sáu ngày và nếu hôm nay nhập môn đã lỡ ăn mặn rồi thì đến ngày chay kế tiếp là ngày 23 phải bắt đầu ăn chay đúng đắn, giữ đúng thể lệ trai giới mới đặng, không thì mang tội và Thần Thánh không chứng cho mình là người thật tâm tu hành.

Vì thế, bắt đắ dĩ tôi phải xin lập thệ ăn chay sáu ngày mỗi tháng là mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, với ngày hai mươi ba và ba mươi tức là ngày cuối tháng. Sau đó vì sợ “ăn chay kỳ” như thế thì khó giữ cho đều đặn vì ưa quên ngày âm lịch, sợ mang tội thất tín với Ông Trên, nên tôi quyết chí đại hùng ăn phứt trường chay và tự lý luận rằng từ nhỏ tới lớn mình ăn đồ thịt cá cũng nhiều rồi không còn thèm thường gì nữa, vả lại dù ăn chay chưa quen thì chỉ cần nhắm mắt cố nuốt vào bao tử cho

xong thì ngon hay không ngon cũng vậy thôi. Nhờ cương quyết mới ăn chay nổi một tuần lễ thì đã ngán ngược. Nhưng chừng ấy nếu mình bỏ chay ăn mặn lại thì rất uổng, hưởng hồ đã có được một thành tích bảy ngày chay liên tiếp thì quý lắm, vậy cố gắng thêm lên ít ngày nữa may ra nó cũng quen.

Thế rồi chẳng bao lâu sau, sự cương quyết càng ngày càng cứng rắn, rồi ăn được một tháng chay, lần lần ba tháng, bốn tháng. Khi ăn được sáu, bảy tháng thì thân thể tôi bị ghê lở ghê gớm và tôi biết đó là Tọa Hóa giúp cho tôi tẩy trừ cái thân phàm tục cho nó bớt nặng nề, u mê để tiếp được điển lành cho tinh thần trở nên thanh tịnh sáng suốt.

Lối trên một tháng mới hết ghê lở, dư dáy thì tôi thấy trong mình nhẹ nhàng khỏe khoắn hơn khi trước và nhờ vậy sự học hành thánh giáo kinh kệ càng thấy mở mang sự hiểu biết sáng suốt.

Qua đầu năm 1946, tôi được đi theo anh lớn Đầu Sư Nguyễn Phú Thứ sang Tòa Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo ở Giồng Bóm để thăm ông Bảo Đạo Cao Triều Phát, lúc ấy đang tập trung các thanh niên đạo đức Hậu Giang làm lực lượng Cao Đài cứu quốc chống giặc Pháp thường đem binh đốt phá các chùa Cao Đài (...). Khi ông Đầu Sư cùng tôi đến làm lễ trên chánh điện thì bỗng nhiên có một em đồng tử đang quỳ cúng với tôi được điển Thiêng Liêng nhập vào làm cho khai khẩu nói lên những lời của

Ơn Trên cho biết là có Đức Quan Thánh Đế Quân giáng dạy cho ông Đầu Sư một vé bốn câu và cả cho Kha tức là tôi, một bài như sau:

*Khả dĩ tiền đồ học đạo gương  
Tùng Thiên hườn mạng hiệp chung đường  
Đạo Thầy tô điểm lần soi tỏ  
Ghi tạc nguyên xưa hẳn thanh bường.*

Rồi tiếp theo đó Đức Quan Thánh lại ban cho tôi bài thi bát cú dạy đạo như sau:

*Ánh trăng rạng tỏ giữa dòng khơi  
Giác ngộ trần ai sớm tỉnh đời  
Bể khổ đeo chi mà lặn hụp  
Sông mê mển tiếc phải chơi vơi  
Kỳ cùng toan liệu còn hai, một  
Buổi chót lần sang, ít kẻ rời  
Bỏ quách nợ trần ràng buộc trói  
Được lần cảnh tạm thấy chiều moi.*

Sau đó một thời gian ngắn, giặc Pháp đem đại đội thủy lục không quân đánh vào nơi Tòa Thánh Giồng Bóm ở đây. Quân đội Cao Đài dùng kế phục binh chống trả kịch liệt từ sáng sớm tới gần xế chiều mới rút đi. Giặc tràn vô phá tan chùa chiền và căn cứ bộ đội.

Hắc Long Môn là chùa của chúng tôi hành đạo chỉ cách xa Tòa Thánh Giồng Bóm chừng sáu bảy cây số theo đường thẳng chim bay, nên nghe rõ mồn một tiếng súng đại bác và bom nổ không ngớt từ sáng cho đến quá

trưa. Tuy nhiên khi quân Pháp tràn được vô chùa thì ông Cao Triều Phát và quân đội của ông đã chạy thoát; chúng không hề tóm bắt được ai cả.

### **KHA CHƠN TÂM**

#### ► NÓI THÊM

Hồi ức trên đây trích trong *Đại Đạo Văn Uyển*, Tập Hạnh (số 14), tr. 99-108, do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện, liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội: 2015).

Tiền bối Nguyễn Triệu Kha (thánh danh Chơn Tâm) sinh ngày Thứ Ba 03-3-1908 (01-02 Mậu Thân) tại Hà Nội. Sinh thời, tiền bối viết nhiều, và lắm lúc ký tên Kha Chơn Tâm. Đây cũng là một tên thánh, được Đức Đông Phương Lão Tổ (Chương Quán Vô Vi Hiệp Thiên Đài) dạy rõ trong bài thánh thi ban cho tiền bối như sau:

*KHA CHƠN TÂM danh tòa Thiên sắc  
Của Thầy ban ghi chặt bên trong  
Đạo tâm hiền đệ ghi lòng  
Đáng khen tấc dạ gương trong soi cùng.  
Bậc trượng phu anh hùng đúng phận  
Khổ chẳng nài lặn độn nào than  
Hiền ôi! Đối với tim vàng  
Của hiền quý hóa xứng trang con Thầy.  
Cố gắng thêm đoạt ngày vui sướng  
Tâm hồn hiền khỏi luống sầu than*

*Gắn ghi chắc quả tim vàng  
Nghe hiền! Đáng mặt Nam bang anh tài.*

Cuối đời, tiền bối thọ Thiên phong Bảo Pháp Chơn Quân (Bộ Phận Hiệp Thiên Đài Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam).

Tiền bối quy thiên tại Cơ Quan ngày Thứ Hai 22-5-1995 (23-4 Ất Hợi), đặc quả Viên Thông Chơn Tiên ngày Thứ Sáu 13-3-2009 (17-02 Kỷ Sửu).

Tiền bối Chơn Tâm là ông ngoại của hiền huynh Thiện Quang (Võ Thành Văn, 1965-2016), một tác giả quen thuộc với bạn đọc Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

## TRỞ VỀ CHÁNH ĐẠO

**TRẦN DÃ SƠN**

Năm 1976 vợ chồng tôi đi kinh tế mới ở Tây Nguyên. Đoàn xe dừng bánh vào một buổi chiều dọc theo đường mới ủi giữa rừng. Chúng tôi vội vã xuống xe nhìn ra.

Chung quanh đồi núi điệp trùng, bạt ngàn cỏ thụ và cỏ gai chen chúc. Xa xa cánh đồng sậy cúi rạp mình trong gió chiều lồng lộng. Có tiếng thú rừng gầm thét phá tan cái tĩnh mịch ngàn năm. Chúng tôi nhìn nhau, vừa sợ vừa lo lắng.

Ngày hôm sau gấp rút ổn định tổ chức rồi cất lều tạm. Sẵn gỗ sẵn tranh nên công việc cũng chóng hoàn thành.

Từ đó chúng tôi lo phát đốt rừng để làm nương rẫy, rồi tấn công những cánh đồng sậy xanh rì có tự thuở nào. Trên rừng và triền đồi thì dùng sức người để cuốc, dưới “nà” xe cơ giới cày bừa.

Sau những cơn mưa đầu mùa ở Tây Nguyên, từ trên cao nhìn xuống chỗ thấp bao phủ một màu xanh mơn mớn của sắn bắp, lúa đậu làm nức lòng người. Chúng tôi tràn trề hy vọng một ngày mai tươi sáng hơn khi ở quê nhà. Nhưng không được bao lâu những cơn mưa đầu



Trần Dã Sơn (Phước An, Krông Pắc, tháng 4-2018)

mùa xối xả, cả bao nhiêu niềm hy vọng của chúng tôi sau một đêm đã ngập chìm trong bể nước mênh mông.

Ba năm liền cơ cực nhà nước phải lo cứu trợ. Số người bỏ trốn về quê cũ hoặc chạy đi nơi khác mỗi ngày một nhiều. Gia đình tôi cũng chung số phận, xin ra ở thôn 4 hợp tác xã Hòa An 2 cuối năm 1979 nhưng mãi tới đầu năm 1980 mới đến định cư tại nơi này.

Lúc chưa chuyển hết gia đình ra, một mình tôi đi trước mượn người cắt tranh, dẫn gỗ dựng lên một ngôi nhà nhỏ. Trong khi chờ cho lò ô khô để đan vách, tôi làm chuyện lật vật trong nhà. Trưa cột võng nằm đu đưa, hát nghêu ngao cho đỡ buồn đỡ nhớ quê xưa.

Tôi thèm đọc sách quá nhưng biết đào đâu ra, nên đành sang nhà người bạn đồng hương cũng vừa mới tới lục lạo tìm, may được cuốn *Tu Chơn Thiệp Quyết* của đạo Cao Đài vội mang về xem, tự nhiên thấy hay hay nên càng thích thú. Sao ông Thượng Đế khéo dạy người đến thế. Từ cách ăn ở, đối xử của vua quan cho đến cha con, anh em, chồng vợ, thậm chí cả rể dâu, chủ tớ, láng giềng Ngài chẳng bỏ sót một ai mà không dạy. Đọc xong càng nghĩ tôi càng muốn theo Đạo quá chừng. Tôi lại sang ông bạn láng giềng mượn thêm sách, chỉ còn cuốn *Kinh Tận Độ* mà thôi. Dem về tôi vội mở ra đọc, đến chỗ “nhập môn” tôi thấy buồn biết mấy. Hai đạo hữu tiến dẫn thì tìm được, nhưng ở đây chỉ có đôi ba nhà đạo, làm gì có thánh thất, có Đầu Họ Đạo để làm pháp giải oan. Tôi

thầm nghĩ: “Không có đường này ta tìm đường khác mà tu.”

Ở được một thời gian thì mẹ tôi ngoài Quảng vô thăm và ở chơi với con cháu mấy tháng. Anh tôi nhiều lần nhắn tin giục tôi sớm đưa mẹ về vì cụ tuổi cao, sợ ở lâu lỡ ốm đau làm khổ vợ chồng tôi.

May lúc đó có người về thăm quê, tôi liền đến nhà hỏi thăm để gửi mẹ. Anh hẹn sáng mai sẽ tới đón rồi lên Buôn Ma Thuột mua vé xe. Tối đó nhà người đồng hương bên cạnh sang mời mẹ tôi qua ăn cơm tối, gọi là “Chúc bác lên đường bình an.” Nhưng rủi thay, cụ mới ăn được mấy miếng cơm thì bị hóc cổ lát thịt heo. Tôi liền chạy qua thì thấy mắt mẹ trợn trừng. Hoảng quá, tôi nhờ người đưa xuống nhà anh Bảy để chữa vì xưa nay anh thường giúp người bằng thuốc nam và phù phép nhưng không lấy tiền.

Mẹ tôi nằm ở đấy hai ngày, không ăn được gì, chỉ uống toàn nước. Tối hôm đó có người nhập vào xác anh Bảy, xưng là Phật Quan Âm, bảo tôi về, ngày mai đặt bàn ra trước sân cầu xin ông Trung Giới Thái Huyền. Tôi băn khoăn cả đêm và nghĩ: “Phật Quan Âm lớn hơn Trung Giới, sao Ngài không cứu mẹ được mà bảo mình phải cầu xin?” Nhưng vì lo cho mẹ, tôi vẫn làm theo. Khi vừa xong thì con anh Bảy chạy lên nói to:

- Chú Mươi (vì tôi thứ mười), bà đã khỏi rồi!

Tôi mừng quá, vội vã chạy xuống thì thấy mẹ đang



cười nói vui vẻ với mọi người. Tôi cảm ơn anh Bảy và gia đình rồi đưa mẹ về.

Mẹ tôi ở thêm một thời gian ngắn nữa để tôi lo thu xếp công việc rồi định ngày cùng mẹ về quê. Tối hôm đó – lại là buổi tối – tôi đau răng dữ dội nhưng không dám nói, sợ cả nhà lo lắng, âm thầm xuống nhà anh Bảy nhờ chữa. Mới vừa bước vào, chưa kịp nói gì thì anh Bảy bước ra nhìn tôi rồi cười bảo:

- Ngày mai chú đưa thân mẫu về quê nhưng bị đau răng lắm phải không? Để Bé Tư chữa cho.

Nguyên anh Bảy có một vong vô danh, con thứ tư, thường nhập xác anh, xưng là Bé Tư và nói là Bạch Y Thánh Nữ đương theo hầu Đức Mẹ Quan Âm. Vong này hay về cho thuốc và chữa bệnh mọi người. Có điều lạ là khi tôi vừa há miệng ra, nghe anh Bảy đọc gì lầm thềm trong miệng rồi thổi nhẹ vào răng tôi, tức thì răng tôi êm hẳn như chưa hề bị đau.

Chuyến đó tôi cùng mẹ ra đi yên ổn. Khi trở vào tự dưng tôi muốn xuống đó xin tu, tức là làm đệ tử hội V.T.G.L. – một môn phái chuyên trị bệnh bằng phù phép và cây lá không lấy thù lao, được thành lập ở thành phố H. trước năm 1974, theo lời anh Bảy kể.

Một hôm tôi đem ý nguyện này trình bày, anh Bảy vui vẻ nhận lời và hẹn ngày tôi xuống để anh “điểm đạo”. Y hẹn, hôm sau tôi tới; anh đốt nhang đèn trên bàn thờ rồi bảo tôi lại quỳ.

Ngước mắt nhìn lên, tôi thấy tầng trên thờ hình Đức Phật A Di Đà, tầng giữa thờ hình Đức Quan Âm Bồ Tát, cuối cùng thờ hình Đức Quan Thánh Đế Quân. Anh Bảy quỳ trước tôi, lâm thâm khẩn vái rồi bảo tôi đọc lời thề theo anh. Bây giờ tôi quên gần nửa, chỉ còn nhớ những câu tâm đắc như: “Nguyện hy sinh thể xác, đức độ, tâm linh để phụng sự Ông Trên, phụng sự nhân loại, không vì tiền, tài, tình, danh lợi... Nhưng trước là anh, ân công ghi nhớ tạc lòng...” Đọc xong, anh Bảy đứng lên đốt ba cây nhang vẽ vẽ trên đầu tôi rồi đốt bùa cho tôi uống. Lá bùa màu vàng viết bằng chữ Nho màu đỏ, ngang độ 3cm, dài gần 10cm. Xong anh bày cho tôi niệm thần chú. Vừa niệm xong tức thì người tôi chuyển động. Tôi ngồi bật dậy và bắt đầu múa máy chân tay giống như người luyện võ.

Từ đó về sau, dù trời mưa hay nắng, dù lao động cực nhọc bao nhiêu, hễ ăn tối xong, có khi đến 8, 9 giờ đêm tôi vẫn tìm tới làm lễ, không thể ở nhà được, như có một cái gì thôi thúc vậy.

Có một vị vô hình nhập vào xác tôi, xưng là sư phụ độ mạng. Nếu hôm nào nóng bức thì một luồng khí mát mẽ chạy từ đỉnh đầu xuống khắp châu thân. Ngược lại trời lạnh rét thì đổi một luồng khí ấm. Cho nên mấy người làm lễ xong thì khát nước, còn tôi thấy khỏe khoắn như chẳng có chuyện gì. Lấy làm lạ họ hỏi, tôi trả lời nửa đùa nửa thật:

- Sư phụ tôi là một chiếc máy điều hòa.

Từ thời ông nội tôi tới nay, họ hàng tôi không theo một tôn giáo nào, cho nên tôi không biết tí gì về lời thề nguyện. Bây giờ quỳ trước khói nhang hằng bữa tối và đọc lời nguyện trên, lòng tôi phấn khởi vô cùng, nghĩ mình đã đi đúng đường.

Tính tôi hồi đó rất tò mò, tuy là chuyện vô hình nhưng nếu nghi hoặc tôi chẳng tin. Thắc mắc về sự phụ, có lần tôi hỏi:

- Bạch sự phụ, xin cho con biết trước kia sự phụ là ai? Ở đâu?

Ngài cười, bắt tôi ngồi bán già, bàn tay phải duỗi thẳng, đưa lên ngang ngực như các Phật tử thường làm, tay trái nắm lại chỉ giờ ngón trỏ, để xuống ngang rốn nhịp lên nhịp xuống. Tự dưng tôi biết sự phụ đi tu, thường tụng kinh gõ mõ. Ngài xưng tên là Lê Hồng Sơn, lúc chết mộ chôn ở khu nghĩa địa gần chỗ gia đình tôi. Hồi đó nơi này chưa là khu dân cư nên mồ mả còn nguyên. Tôi đi tìm gần một tiếng đồng hồ không thấy mộ, bực dọc ra về. Tối đó khi lễ Phật xong, sự phụ lại nhập xác, tôi cần nhân:

- Sự phụ lừa con, khiến con tìm mãi mà không ra mộ người đâu.

Sự phụ buồn lắm, ngài dạy:

*Rồi đây cuộc thế đổi thay  
Các con còn phải chịu ngày gian nan*

*Những lời Phật Tổ bảo ban  
Là lời tâm huyết chỉ đường cho con  
Thế gian trong cuộc mắt còn*

.....

*Này con quỳ trước khói nhang  
Đã không tin chớ nói càn nói vu  
Phật Tiên Thần Thánh tri cơ  
Chỉ cho con bước đến bờ chân như  
Nói năng nét hạnh thìn từ  
Giữ tâm thanh tịnh thiên thư con tường  
Rồi đây cuộc thế nhiều nhưong  
Nguyện cầu chư Phật mười phương hộ trì  
Giữ tròn ngũ giới tam quy  
Cửa thiền con tới, thuyền từ ta đưa.*

Theo môn phái này lúc đó có ba người. Trước tôi là một chị lớn hơn khoảng ba, bốn tuổi. Sau tôi là Mai Thanh H., nhỏ tuổi hơn tôi khá nhiều, vốn là Cao Đài gốc, hiện nay ở Chư Xê (Gia Lai), sinh hoạt thì về thánh thất Trung Hội (số 93 Nguyễn Viết Xuân, Hội Phú, Pleiku, tỉnh Gia Lai).

Có điều lạ là sự phụ của hai người này khi về nhập xác chỉ cho thuốc mà thôi; ngược lại, tôi được sự phụ mình cho tập ngồi bán già để quán tưởng chư Phật. Lúc cho thuốc, anh Bảy (tức sư huynh) và hai người kia nói tiếng gì nghe ngộ lắm. Âm thanh nửa như tiếng nước ngoài, nửa như tiếng người dân tộc. Có khi thấy họ lắc đầu, có

khi lại gặt đầu, và cuối cùng người cho thuốc vẫn là anh Bảy.

Một hôm rảnh rỗi tôi đem chuyện này ra hỏi thì anh Bảy bảo đó là tiếng nguyên thủy, các sư phụ hội ý về căn bệnh và nên cho thuốc gì. Tôi thích lắm, cầu xin sư phụ cho khai khẩu và dạy tôi cách chữa bệnh. Sư phụ lặng thinh không nói gì. Một hôm tôi làm lễ vừa xong thì sư phụ về, cho tôi ngồi bán già, nhìn chăm chăm vào hình Phật, rồi đưa tay lên vẽ phù, xong hạ tay xuống từ từ rút nhẹ ra sau. Tôi cảm tưởng như tay mình có nam châm đang hút sắt vậy. Tôi mỉm cười, xoay người xuống nhà dưới chỗ anh Bảy ngồi, rồi cũng rút tay nhẹ ra sau, tức thì anh Bảy la lớn:

- Chết lửa! Chết lửa hơ! Đau bụng quá!

Tôi mỉm cười nói:

- Mời sư huynh về làm lễ Ông Trên, xin khai khẩu cho sư đệ, bụng sẽ hết thôi.

Anh Bảy bước lên quỳ trước bàn thờ Phật, lâm thâm khẩn vái, mọi việc trở lại bình thường. Nhưng có điều lạ lùng là từ đó về sau dù tôi có khẩn khoản cầu xin, vẫn không nói được tiếng “nguyên thủy” ấy.

Không hiểu tại sao, tuy tôi đã chứng kiến nhiều việc khá hiển linh, nhưng lòng vẫn ngờ ngợ như có cái gì đó khó hiểu. Cho nên một lần làm lễ tôi đã phát nguyện:

- Xin Ông Trên cho con gặp chánh đạo, nếu không con

thà hy sinh gia đình, vợ con và thể xác, miễn sau khi chết con được thấy chánh đạo cũng ưng.

Hồi còn trẻ tôi rất nóng tính và xấu chứng đói. Đi làm về phải có cơm nước sẵn, nếu không tôi đói run cả tay chân. Một buổi chiều đi làm rẫy về thấy vợ đương lom khom nhen lửa nên tôi nổi nóng cần nhẩn, quên rằng cô ấy phải đi dạy học. Nghe tiếng vợ làm bầm, tôi hét to:

- Im miệng! Còn nói nữa tôi đá luôn vô bếp.

Thế là tối xuống làm lễ, sư phụ về rầy tôi:

- Từ nay con phải tập nhẩn nhục. Nhẩn với vợ con, gia đình, hàng xóm.

Miệng tôi cứ đọc mãi “Nhẩn! Nhẩn! Nhẩn!” gần hai mươi phút mới dứt.

\*

Trước khi tôi đến ở đây, ông chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân xã Hòa An kêu tôi tới dặn rằng sẵn sàng cho tôi “nhập tịch” (tức là nhập hộ khẩu), nhưng tôi phải hứa là làm kế toán công điểm cho đội 4 Hợp Tác Xã 2. Tất nhiên tôi rất mừng và nhận lời ngay.

Năm đó vụ mùa Hợp Tác Xã thu chẳng bao nhiêu, lúa chia theo công điểm rất thấp, về sau cân đối lại phải chia thêm. Nhưng đội tôi có mấy chục lao động chỉ nhận được 1,5 tạ mà thôi. Tôi băn khoăn không biết tính thế nào để lúa chia ra khỏi hao hụt, nếu lỡ thế lấy gì đền vào, nên đành nghĩ bụng: “Thôi, tạm mượn để dùng. Vụ

tới cộng thêm lúa công điểm xã viên rồi chia.” Không ngờ tối đó xuống làm lễ, sư phụ về quở tôi:

- Người đừng tưởng của tập thể dễ ăn. Đó là mồ hôi nước mắt của chúng sanh cộng lại.

Lúc đó tôi ngơ ngẩn không hiểu gì nên thưa:

- Bạch sư phụ, con có làm gì đâu, sao sư phụ lại trách con.

- Trăm mấy ký lúa công điểm người tính sao?

Hoảng vía, hôm sau tôi tức tốc thông báo cho xã viên họp tại nhà đội để chia.

Vô hình uốn nắn như thế đó nên tôi càng tin mình đang đi đúng đường, càng năng lễ bái hơn. Một hôm sư phụ dạy tôi viết chữ, nét rất giống chữ Nho, nhưng ngài không giải nghĩa. Về nhà sợ quên tôi liền viết vào vở rồi đem tới hỏi một cụ đồ Nho. Cụ bảo:

- Đây đúng là chữ Nho, nhưng là cổ tự nên tôi không hiểu.

Cụ bảo thế tôi đành làm thinh. Về sau nhân giảng đến việc tu hành, sư phụ dạy cho tôi viết lên tấm ván ép lót để quỳ (vì hồi đó nhà còn nền đất) một khung chữ nhật đứng rồi viết chữ vào trong. Ngài bảo:

- Người tu phải như người ở tù, phải giam mình vào khuôn khổ mới tu được.

Sau này theo đạo Cao Đài rồi, đọc thánh giáo tôi mới

biết đó là chữ *tù* 囚, gồm ngoài là chữ *vi* 匚, tức bốn vách (tửu, khí, sắc, tài), còn trong là chữ *nhân* 人, tức người.

Ông nội anh Bảy chết nghiệp dây (treo cổ), nghe người ta bảo không thờ trong nhà được nên tôi thấy anh dùng một miếng ván vuông, cạnh chừng năm tấc, đóng trên một cọc gỗ dài chừng một mét, trồng ngoài sân trước cửa chánh bước vào nhà rồi đặt lên đó một lư nhang và thấp hăng đêm. Nghe anh nói rằng ông nội anh về bảo may một chiếc áo rộng như áo nhà sư nhưng màu xanh da trời, có đính các ấn (anh không nói ấn thế nào) để anh mặc mỗi khi làm lễ. Còn khi chữa bệnh cho người ta thì lấy năm hào; nếu không, người ta sợ mang ơn mình, không dám đến xin thuốc. Dù biết sai với lời nguyện “không vì tiền, tài, tình, danh, lợi”, nhưng sợ anh phật lòng, ba đệ tử chúng tôi nghe chỉ làm thinh. Lúc sư phụ tôi về, ngài dạy:

- Sự việc ở đây nửa tà nửa chánh. Để sư phụ dẫn con về chánh giáo con tu. Nếu không, con đi bên tả, bên tả lồi, sang bên trái, bên trái kéo, rồi con không tới đích, lại trách Trời trách Phật.

Tôi nghe vậy đành im lặng đợi chờ. (Sư phụ bảo *bên tả, bên trái* là ngụ ý tả đạo, sai trái.) Thấy sư huynh hay xem bói cho mọi người, tôi cũng thích, nhưng sư phụ về bảo tôi:

- Cấm con coi giò gà, bói bài, xem gia sự vì những việc đó nhiều nhưong dân chúng.

Từ đó có sự bất đồng giữa tôi và anh Bảy, do vô hình sắp xếp, chúng tôi không hề hay biết. Nhất là trong một lúc nóng giận không đầu, anh mang giày đi làm, bồng đá vào con mình đến nỗi cháu học máu. Lúc đó tôi không có mặt, chỉ nghe chị Bảy kể lại, tôi bất mãn vô cùng. Chẳng lẽ một người gọi là phụng sự Ông Trên, phụng sự nhân loại lại tàn bạo đến thế sao?

Về sau sư phụ chỉ cho tôi cách mật khẩn khác, không phải danh Phật Tổ như trước mà bắt đầu là Đức Chí Tôn, rồi mười phương chư Phật Tiên, Thánh Thần, và cuối cùng là sư phụ. Mãi sau này khi vào đạo Cao Đài tôi mới biết Đức Chí Tôn là Thầy. Khi tôi mật khẩn xong, ngài điều khiển tôi dạy về hướng Tây để lạy. Tôi lấy làm lạ, hỏi anh Bảy thì bị anh la:

- Chú ưa tò mò sự việc Ông Trên. Sư phụ muốn lạy đâu tùy ngài, chú thắc mắc làm chi!

Tôi không biết anh Bảy có hiểu chẳng, nhưng trong thâm tâm tôi nghĩ hướng Tây là nhà đạo huynh Mai Đăng Thiện (sau này là Đầu Họ Đạo thánh thất Trung Phước An) lúc đó trong nhà đạo huynh có thờ Thiên Nhân.

Giữa tôi và anh Bảy tuy bề ngoài vẫn bình thường nhưng trong lòng sự bất đồng càng sâu hơn. Cho tới một hôm, tôi làm lễ xong thì theo sự điều khiển của sư phụ tôi bước ra sân, tới chỗ nôi hương thờ ngoại cảnh của anh Bảy, sư phụ ra lệnh cho tôi phải đập đi. Tôi vội thưa:

- Bạch sư phụ, đây là lư hương thờ ông nội của sư huynh; nếu con đập, anh em sẽ bất hòa nhau.

Sư phụ không nói gì, nhưng ngài khiến tôi nâng hai bàn tay lên, chặt mạnh xuống, cách lư nhang chừng mấy phân, rồi dẫn tôi vào lạy Phật và thăng.

Tôi vừa ngồi xuống ghế thì nghe tiếng anh Bảy hỏi to:

- Chú ở nhà làm lễ có chuyện gì không? Tôi chơi bên nhà anh Đ., nghe đầu như có ai lấy đinh đóng vào, tôi phải chạy về đây.

Ban đầu tôi giấu giếm, đáp tỉnh bơ :

- Chẳng có chi, em làm lễ bình thường mà.

Anh Bảy cứ tra hỏi mãi, giấu không được, tôi đành kể thật. Tức thì anh nổi nóng hét to:

- Tôi nói thật, dù sư phụ chú là ai, là ông Quan Thánh hay ông Phật mà đập nôi hương ngoại cảnh của tôi, nếu hiện hình tôi cũng cầm dao đâm chết.

Nghe xong tôi lạnh điếng người, bước ra về lòng buồn khôn xiết.

Đêm sau tôi vẫn đến làm lễ. Khi sư phụ về, ngài dạy:

*Tâm thanh tịnh, Đạo Trời thanh tịnh,  
Thế giới bình, tu chính là tâm.*

Rồi ngài nghiêm cấm không cho tôi tới nhà anh Bảy nữa, để ngài đem tôi về chánh giáo tu hành. Tôi thưa:

- Bạch sư phụ, ở đó người ta cúng kính nghiêm trang. Con về, tay chân múa may động đậy, coi sao được.

- Sư phụ sẽ ở bên con. Còn thể xác tâm linh con do Đức Chí Tôn dẫn dắt, con đừng lo.

Nghe lời sư phụ, mấy hôm liền tôi không tới. Một buổi tối tôi la cà qua mấy gia đình tán dóc khoảng 9 giờ thì ra về. Không hiểu tại sao tôi không giữ nổi chân mình nên băng bộ xuống nhà anh Bảy. Tôi vào quỳ sau, phía trước là chị Ba đang làm lễ. Khi sư phụ nhập vào, ngài khiến tôi nắm chặt hai tay lại, cứ đầu mình đập liên hồi, tôi cam đành chịu trận cho đến khi sư phụ thẳng.

Tất nhiên, tôi không dám tới anh Bảy nữa mà tìm đến nhà đạo huynh Mai Đăng Thiện kể qua sự tình và ngỏ ý xin vào Đạo. Đạo huynh vui vẻ và bảo tôi ráng chờ mấy ngày nữa bác Tùng Sử Quân trong Krong Bông ra sẽ làm lễ nhập môn cho tôi. Thời gian này tôi có thể xuống đây tập đọc kinh và đạo huynh cho mượn đạo phục để quỳ cúng.

Vì ban ngày đi lao động nên tối tôi mới xuống nói chuyện với đạo huynh, rồi cúng thời Tý, xong mới về.

Những đêm đầu, cứ quỳ cúng chừng được năm phút thì tay chân tôi bắt đầu ngọ nguậy. Tôi sợ quá phải tập trung nhìn vào Thiên Nhân. Những lúc đó tôi thấy hào quang tỏa sáng và lòng tôi trở lại tịnh an. Tôi càng tin tưởng vào huyền diệu của Thầy, dù lúc đó tôi chưa là tín đồ chính thức.

Đợi mãi không thấy bác Tùng Sử Quân ra, tôi đương buồn thì dịp may Giáo Hữu Ngọc Dinh Thanh ở Hội Thánh Truyền Giáo vào thăm bốn đạo Buôn Trấp. Khi ngài ghé nhà người chị ở đây và thăm đạo huynh Mai Đăng Thiện, tôi và một số ít đạo hữu tìm đến vấn an. Tới hôm sau tôi được ngài làm lễ nhập môn. Tôi chỉ nhớ khoảng năm 1982.

Dù sư phụ đưa tôi về chánh đạo như ngài đã hứa nhưng bên đó “họ” chưa chịu buông tha. Tôi thường tranh thủ lao động cả buổi trưa để chiều về sớm đi dạo xóm. Rất mừng là lúc này bệnh hấu đói không còn nữa.

Tôi thường đi chơi về trễ nên vợ con đều ngủ sớm. Lặng lẽ bụng đèn đến trước bếp, tôi lấy chén dưa ăn cơm. Bỗng nghe tiếng kêu văng vẳng, tôi nghĩ bụng: “Không lẽ Hai T. rủ ăn gì, sao không kêu sớm một tí.” Rồi tiếng kêu rõ hơn, tôi nghe được giọng của cháu V., đứa cháu ngoại của cô ruột tôi:

- Cậu Mười! Có ông gì nhập vào xác Ba H., cho gọi đệ tử Sang xuống.

Sang là tên tôi. Tôi đáp:

- Ừ, để cậu rửa tay thắp nhang đã.

Tôi nói vừa dứt lời thì tay chân bắt đầu rung. Vội vã thắp nhang, tôi bước ra sân chấp tay bắt ấn Tý, day về hướng Bắc xá ba xá, niệm hồng danh Thầy và khẩn:

- Lạy Thầy, cho con xuống đó xem “họ” làm gì. Từ đây



tới chết, con nguyện giữ trọn Đạo Thầy mà thôi.

Nhà cháu T. ở cách sau vườn nhà tôi độ năm mươi thước. Tôi vừa đi vừa niệm câu chú của Thầy không ngắt. Tới nơi, thấy Ba H. đương quỳ trước bàn thờ ông bà, tay múa may, đương nói gì tôi không dám nghe. Sợ bị phân tâm, tôi leo lên giường ngồi xếp bằng, tay bắt ấn Tý, miệng niệm hồng danh Thầy liên tục. Khoảng chừng mười, mười lăm phút thì cảnh tượng lên đồng ấy mới dứt, Ba H. trở lại bình thường. Mấy đứa cháu xúm lại bên tôi hỏi:

- Sao “ổng” bảo đệ tử Sang quỳ mà chú không nghe?
- Chú có nghe nhưng sợ, không dám làm theo.

Từ đấy về sau chuyện này không còn xảy ra nữa.

Trong chuyến về quê thăm mẹ và các anh chị, tôi ghé nhà chị Hai T. ở Quán Gò. Trước năm 1975 chị tu giải thoát, nay về nhà may vá độ nhật và tiếp tục đường tu tịnh. Chị em vui vẻ chuyện trò, tôi hỏi chị có kinh điển hay thánh giáo cho tôi xin. Chị lục tìm hồi lâu rồi cho quyển *Đại Thừa Chơn Giáo*. Khi vào trong này tôi giở ra xem, tới bài *Sắc Không Luận*, hai câu đầu của thi bài khiến tôi vô cùng ngạc nhiên:

*Đường chơn đạo tuy không mà có,  
Pháp chánh truyền có đó hóa không.*

Hồi trước, lúc giảng về tà chánh, sư phụ đã dạy cho tôi đọc thuộc lòng hai câu:

*Đường tâm đạo tuy không mà có,  
Pháp chánh truyền tuy có mà không.*

Hai câu kinh và hai câu sư phụ dạy tuy khác nhau một số chữ, nhưng càng làm tôi tin tưởng Đạo Thầy nhiều hơn.

Có không ít huyền diệu mà Thiêng Liêng đã dành cho tôi. Tôi được bầu làm Thông Sự xã đạo Phước An; lúc đó đất nước mới hòa bình được mấy năm, Đăk Lăk chưa có thánh thất của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài. Ban Trị Sự chúng tôi hay đi cúng chần tế hoặc bạt độ âm nhân. Tôi rất tin tưởng vào pháp môn độ tử của Đạo Thầy, vì ngày xưa sư phụ dẫn tôi ra luyện pháp ngoài sân, tuy phía trước nhà anh Bảy, bên kia đường là nhà dân nhưng tôi chẳng thấy gì ngoài khoảng trống mênh mông; mờ mờ trong màn sương đục tôi thấy không biết bao nhiêu là người xin ăn: già có, trẻ có, lớp ốm đau, lớp tàn tật mà người lành lặn cũng nhiều. Có điều, tuy đông đúc nhưng thật yên lặng, kẻ trước người sau vẫn trật tự đến lạ lùng, như có ai sắp xếp sẵn. Tôi không còn nhớ sư phụ đã làm gì, chỉ nhớ vồn vện câu nói của Ngài:

- Các người cố gắng phò trợ cho đệ tử ta tu hành. Sau này nó sẽ độ trì lại các người.

Bây giờ viết lại những dòng này lòng tôi thấy hối hận và hổ thẹn vô cùng. Mấy chục năm trôi theo Đạo, tôi chẳng làm nên công cán gì. Dù họ đạo và nhân sanh tin tưởng, giúp đỡ, nhưng tôi không dám bước lên. Vì ngại

khó khăn, vì tham công tiếc việc, tôi chẳng chịu hy sinh. Phần công truyền chỉ ngần ấy, còn về tâm pháp cũng chẳng khác hơn. Năm năm mươi tuổi tôi thọ Tâm Châu, sau mấy lần xin lên không được, tôi lại làm ngư luôn. Bây giờ bệnh tật giày vò, đến nỗi muốn công phu cũng thấy khó khăn, lòng tôi hối tiếc khôn cùng vì đã phụ công dìu dắt của Ông Trên, phụ lòng từ bi che chở của Thầy, làm sao trọn được lời nguyện khi về với chánh đạo: “Con xin tu kỹ độ tha và nguyện trả xong nghiệp chướng.”

Đây là những việc có thật trong đời tu của tôi. Mong rằng khi xem xong, chư huynh tử gắng nung chí tu hành, hy sinh phụng sự Đạo Thầy, dựng xây Giáo Hội để nương vị lập vị, chớ đừng mượn có nợ kia mà tranh đua. Gắng lo tu tâm sửa tánh, thông dong chờ đón ngày về. Đừng chần chừ như tôi, uống phí một đời mà không được tích sự gì. Vì như lời Ông Trên dạy, chép trong *Thánh Truyền Trung Hưng*:

*\* Thiệt tu tai nạn chẳng gần,  
Thiệt lòng vì Đạo, Thánh Thần hộ cho.*

*\* Có gan góc mới tầm được Đạo,  
Có từ bi mới tạo nên Tiên...*

Cũng đừng nói mình không có căn duyên nên chẳng tu được, vì ngày xưa sư phụ vô hình từng dạy tôi: “Dù con có thiện có căn, mà không tu cũng kể bằng như không. Con đừng nằm dưới gốc sung mà chờ sung rụng.”

## ► NÓI THÊM

Câu chuyện trên đây trích trong *Đạo Uyển Xuân 2018* (Hà Nội: Nxb Hồng Đức 2018, tr. 43-60).

Hiền huynh Trần Dã Sơn (bút danh của Trần Văn Sang) là một bạn thơ rất quen thuộc với bạn đọc Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo. Câu chuyện này huynh viết tại thị trấn Phước An (huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk) ngày 26-3-2017. Qua hồi ức của huynh, chúng ta có thể rút ra được ít nhiều lý đạo huyền nhiệm:

Vị sư phụ vô hình của huynh Dã Sơn lúc còn tại thế là một nhà sư. Do có duyên với huynh nên chọn linh vị sư này gắng công độ dẫn huynh tìm tới chánh pháp. Thuở còn sống, vị sư ấy có lẽ đã biết sự hiện hữu của đạo Cao Đài; nhưng phải đợi đến khi trút bỏ xác phàm, chọn linh vị sư mới ngộ ra sứ mạng của tôn giáo mới này trong Tam Kỳ Phổ Độ, bởi thế nhà sư vô hình đã dẫn dắt huynh Dã Sơn vào đạo Cao Đài thay vì quy y cửa Phật.

Chúng ta lại hiểu thêm rằng chọn linh vị sư ấy vẫn đang tiếp tục tu hành trong cõi vô hình. Việc dắt dẫn huynh Dã Sơn vào đạo Cao Đài còn là cách vị ấy làm công quả cho mình, bởi lẽ trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, dù hữu hình hay vô hình, ai ai cũng phải tùy duyên mà ráo riết lo làm công quả. Riêng công quả giúp người tìm tới chánh đạo là to tát hơn cả. Thánh giáo từng dạy chúng ta như thế.

# VÌ SAO TÔI VÀO ĐẠO CAO ĐÀI

NGUYỄN VĂN NGHĨA

Tôi xuất thân trong một gia đình nghèo, cha mẹ đều là tín hữu Cao Đài. Khi tôi mới lên ba tuổi thì mẹ mất sớm, cha vẫn ở vậy chăm sóc con cái. Thời buổi chiến tranh loạn lạc nên Đạo luôn di dời đến nơi an toàn; cha tôi vẫn luôn trung kiên và nương sống gần Đạo, nhờ vậy từ thuở nhỏ tôi được theo học Đạo Đức Học Đường ở Tòa Thánh Tây Ninh.<sup>(1)</sup> Mỗi khi vào lớp, tất cả học trò đều

---

Huệ Khải chú thích:

<sup>(1)</sup> Tháng 9-1928 Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh thành lập Đạo Đức Học Đường (bậc tiểu học) và khai giảng năm học đầu tiên, có tất cả hai trăm mười học sinh. Năm 1931, Đạo Đức Học Đường mở được tám lớp. Năm 1932 mở được mười một lớp, với bốn trăm mười bảy trẻ (gồm ba trăm mười hai nam và một trăm lẻ năm nữ). Năm 1941 quân đội Pháp chiếm giữ Tòa Thánh Tây Ninh, đóng cửa Đạo Đức Học Đường. Khoảng tháng 9-1946, Hội Thánh tái lập Đạo Đức Học Đường trên khu đất mới vì trường cũ đã hư hoại. Các lớp mái tranh vách đất được gấp rút xây dựng cho kịp khai giảng niên khóa 1946-1947. Năm 1952 Đạo Đức Học Đường có sáu mươi lớp với mái lợp tranh, tường xây gạch đất không nung; chỉ có một dãy lớp mái ngói dành cho các

đứng nghiêm trang đọc bài *Kinh Vào Học*:

*Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu*

*Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ*

*Gần điều nên, lánh lẽ hư*

*Nương gương thần huệ đặng trừ nghiệp căn...*

Chúng tôi luôn luôn được thầy cô dạy bảo cẩn kễ trong việc ứng xử, ráng tập cho thành thói quen hằng ngày: Phải biết kính trọng người lớn, vâng lời thầy cô, yêu thương cha mẹ, hòa thuận với anh chị em và bạn học...

Có buổi dọc đường đến trường, tôi rất ngạc nhiên khi lần đầu tiên gặp một ông cụ có lẽ đã trên bảy mươi tuổi đang đi ngược chiều với ông mặc đạo phục trắng khoảng chừng năm mươi tuổi. Khi đến gần nhau, ông cụ dừng chân đứng nghiêm trang chấp tay cúi đầu chào; ông mặc đạo phục trắng cũng chấp tay xá đáp lễ. Sau đó hai người tiếp tục đường ai nấy đi. Nhưng hình ảnh này tạo cho tôi một ấn tượng rất tốt đẹp cùng với lòng thắc mắc.

Về nhà tôi kể lại chuyện ấy cho cha tôi nghe và hỏi vì

---

lớp năm thứ nhất, thứ nhì (*1ère année, 2ème année*). Trường có mười lớp cao đẳng (*cours supérieure*). Khi lên bậc trung học thì các trẻ được chuyển ra trường Lê Văn Trung (về sau trở thành trường trung tiểu học Lê Văn Trung). Để biết thêm chi tiết, có thể đọc: Huệ Khải, *Gia Đình Trong Tân Luật Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2014, tr. 37-40.

sao ông cụ làm như thế. Cha tôi cho biết ông trẻ tuổi hơn là một vị chức sắc nên tín đồ dù lớn tuổi hơn cũng phải kính cẩn thủ lễ.

Trong những ngày cúng đàn dịp sóc vọng hay lễ vía các Đấng, tôi thường theo cha đến thánh thất, điện thờ Phật Mẫu. Tôi cũng thích nghe hàng giáo phẩm giảng đạo vào cuối buổi cúng đàn.

Năm tôi mười tám tuổi, cha tôi bảo hãy nhập môn vào Đạo nhưng tôi vẫn chần chừ, do dự. Tôi nghĩ mình đã sống trong vùng Đạo, lâu nay cũng được nghe giáo lý, cũng ăn chay với cha mười ngày một tháng, chỉ cần sống tốt với mọi người là được rồi, cần chi phải nhập môn.

Tuy vậy, khi lớn lên sống ở nhiều địa phương, gặp nơi nào có thánh thất Cao Đài, kể cả chùa Phật hay nhà thờ Thiên Chúa, thì tôi đều tìm đến để nghe giảng đạo, không có ý tưởng phân biệt tôn giáo vì nghĩ rằng tôn giáo nào cũng đều dạy con người hướng thiện.

Khi lập gia đình, bước vào trường đời bon chen trong cuộc sống đủ trò danh lợi tài sắc vây quanh, tôi mới cảm nhận rõ những tình cảm thường trỗi dậy như giận hờn, thương ghét, buồn vui, ham muốn, v.v... Trong đó vui ít mà buồn nhiều. Có những lúc khổ cực, thiếu thốn, càng lo lắng càng thêm chán nản, tôi chợt nhớ đến lời chức sắc giảng câu *“Tri túc thường túc, chung thân bất nhục”* (Biết đủ thì thường đủ và cả đời không phải chịu nhục), nhờ vậy mà vơi bớt lo toan.



Nguyễn Văn Nghĩa (Bàu Nặng, Tây Ninh, tháng 3-2018)

Có lúc được thuận lợi cuộc sống đầy đủ hơn, ai cũng nghĩ rằng có vật chất đầy đủ thì tinh thần thoải mái. Nhưng qua thực tế, tôi lại cảm nhận rằng giữa vật chất và tinh thần luôn tác động lẫn nhau: Muốn đạt được vật chất thì lao tâm khổ trí; tính toán càng nhiều thì phải lao lực, khổ thân. Suốt thời gian dài phấn đấu để tạo nên sự nghiệp, tham vọng đó không phải chỉ lo cho bản thân mà còn lo cho tương lai con cháu... Thế rồi, một hôm tất cả những gì nhọc nhằn bòn mót, tích lũy phút chốc tiêu tan. Nhờ vậy, tôi nhận rõ thế nào là giấc mộng phù du. Cuộc đời này luôn biến đổi, vô thường, không bền chắc, không tồn tại, ngay cả thân xác mình cũng không giữ được. Từ đó tôi mới nhận thức rõ Đạo không chỉ chú trọng giúp con người hướng thiện, cách đối nhân xử thế, mà còn giúp con người biết kềm chế lục dục thất tình trước bao nghịch cảnh của dòng đời. Tôi càng thấm thía lời các Đấng dạy bảo (in trong *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, phần *Thi Văn Dạy Đạo*):

*\* Mê luyến hồng trần mang ách khổ  
Con vui qua khỏi lệ sầu tuôn.*

*\* Giựt giành rớt cuộc cũng tay không  
Nhân quả đeo mang tội chất chồng  
Ví biết phép công cơ thưởng phạt  
Đường tu sớm bước, chí thông dong.*

*\* Cần lo học đạo chí đừng lơ  
Phú quý sương tan lộ bóng Trời*

*Lợi lộc xô xao rồi một kiếp  
Nghĩa nhơn tích trữ để muôn đời.*

Có lần đến nhà người bạn chơi, tôi thấy bé gái khoảng sáu tuổi, tròn trịa dễ thương, đang chạy chơi trước sân nhà; thỉnh thoảng cháu chạy ù đến bên cái bàn có để sẵn chén cơm, lấy miếng dưa leo chấm vào muối, nhai rồi đưa muống cơm vào miệng. Tôi hỏi thì bạn tôi nói là cháu thích ăn vậy, không thích ăn thịt cá.

Có lần khác, tôi thấy một cháu trai khoảng năm tuổi ở gần nhà đưa cục đường vào miệng chép rồi nhả ra chén, xong đưa muống cơm vào miệng ăn một cách ngon lành. Tôi tự thấy hổ thẹn vì không bằng chúng nó, muốn ăn chay mười ngày như trước đây cũng không giữ được! Tôi nghĩ chắc kiếp trước các cháu biết tu rồi; còn mình nặng nghiệp, cứ mãi mê đời!

Mỗi khi chứng kiến điều gì cũng làm cho tôi luôn suy nghĩ: Tại sao có kẻ giàu người nghèo? Tại sao có người rất xinh đẹp và người tật nguyền? Sau mới hiểu rằng là do nhân quả tạo gây, gieo nhân gì thì hưởng quả đó. Đến ba mươi tuổi tôi mới bắt đầu tỉnh thức.

Từ đó tôi cố tìm đọc thánh ngôn, thánh giáo kể cả kinh sách nhà Phật. Tuy lời giáo hóa của các Đấng khác nhau nhưng cùng một chân lý, mục đích cuối cùng đều dẫn dắt con người tìm con đường giải thoát.

Tôi bắt đầu thực nghiệm dần lời dạy của các Đấng, áp dụng trong cuộc sống, thấy lòng mình ngày càng thanh

thần hơn, trút bớt những ưu tư phiền muộn. Tôi mới ngộ được rằng con đường giải thoát không chỉ ở phần linh hồn sau khi thoát xác mà có thể giải thoát ngay trong kiếp sống hiện tại.

Tôi thấy cần nương tựa vào tôn giáo để lập công lập vị cho chính mình, nhưng lại không khỏi suy tư chọn lựa. Tôi rất kính trọng Đức Phật Thích Ca là bậc đại giác ngộ, từ bỏ cung vàng điện ngọc tìm chân lý; Đức Chúa hy sinh thân mạng chuộc tội cho loài người. Tôi lại càng thích thú khi thấy trong thánh ngôn, thánh giáo đạo Cao Đài đều có lời dạy của Đức Phật, Đức Chúa và các Đấng thiêng liêng khác dạy rất đầy đủ từ Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo, để mỗi người tùy theo căn cơ mà lập vị. Bởi vậy tôi quyết định nhập môn vào đạo Cao Đài, là do bản thân suy tư chọn lựa, chứ hoàn toàn không do sự ràng buộc truyền thống của gia đình.

Sau khi nhập môn vào Đạo, được thượng Thánh tượng, lập Thiên Bàn tại gia, lúc rảnh rỗi tôi vẫn xem kinh sách để tìm hiểu giáo lý Cao Đài. Khi nhìn thấy chân dung các Đấng qua hình tượng Ngũ Chi, tôi nghĩ điều quan trọng là cần học đức hạnh của mỗi Đấng và ứng dụng hàng ngày. Đại khái, khi nhìn thấy Đức Khổng Phu Tử là nhớ đến đạo làm người (nhân nghĩa lễ trí tín, tam cương ngũ thường, công dung ngôn hạnh); nhìn thấy Đức Quan Thánh thì học lấy đức trung can nghĩa khí, không thay dạ đổi lòng; nhìn thấy Đức Lý Thái Bạch là phải

luôn trau dồi trí tuệ sáng suốt, khai tâm mở trí; nhìn thấy Đức Phật Thích Ca và Đức Quan Âm là học được tâm từ bi, bác ái, v.v...

Khi tò mò tìm hiểu, tôi tự hỏi: Đức Chí Tôn giao trách nhiệm Tam Trấn Oai Nghiêm cho ba Đấng là có ý nghĩa sâu xa gì? Tôi suy nghĩ rất hồn nhiên như sau: Đức Quan Âm vốn có lời nguyện tận độ chúng sanh nên Thầy giao Đức Bồ Tát nhiệm vụ tiếp dẫn nhơn sanh trở về đường đạo; Đức Lý Thái Bạch có nhiệm vụ tiếp nhận và dạy đạo; Đức Quan Thánh tiếp sức trợ duyên cho người tu học.

Tôi vẫn chưa bằng lòng, cố tìm hiểu thêm: Có lẽ Đức Chí Tôn chọn Tam Trấn để tượng trưng ba đức Bi Trí Dũng.

- Đức Quan Âm tiêu biểu cho lòng từ bi. Do đó người theo đạo phải mở rộng lòng từ, thương người mẫn vật. Không có tình thương thì không phải là người biết tu.

- Đức Lý Thái Bạch tiêu biểu cho sự sáng suốt. Nên người tu cần có trí để phân biệt được thiện ác, tội phước, đúng sai, tốt xấu, siêu đọa... Người tu nhờ có trí mới vượt bến mê tầm đường giác.

- Đức Quan Thánh tiêu biểu dũng mãnh oai lực, trung can nghĩa khí. Người tu cần có lập trường vững vàng, kiên tâm để có nghị lực, khỏi bị lệch lạc, thối chí, sa ngã và nản lòng.

Trên bước đường học đạo và hành đạo, người tu luôn bị lợi danh tài sắc cám dỗ, thử thách; bởi vậy mới gọi là



trường thi. Nếu không hội đủ ba yếu tố Bi Trí Dũng, người tu khó mà thành chánh quả.

Tôi nghĩ, mình nhập môn vào Đạo nhằm học tập các đức tính, đức hạnh nêu trên. Để giữ trọn lời minh thệ khi nhập môn và xứng đáng là người tín hữu chân chánh, điều quan trọng là phải giữ giới và luật mới thể hiện được tác phong đạo hạnh người tu. Giới là *Ngũ Giới Cấm* trong Đạo, tương quan với năm đức tính Đức Khổng Tử dạy (Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín). Luật là *Tứ Đại Điều Quy* gồm bốn nguyên tắc ứng xử với nhau theo lẽ Đạo. Luật là cũng luật công bình bác ái, lấy thương yêu làm nền tảng. Tôi cũng luôn nghĩ nhớ câu “Làm việc gì trước phải xét hậu quả của nó”, bởi vì luật nhân quả là luật công bằng và không ai thoát khỏi sự chi phối của nó.

Hiểu như vậy, nên từ đó tôi ăn chay trường luôn, bởi trước hết phải có lòng nhân đối với loài động vật. Khi vào Đạo còn phải năng học hỏi giáo lý để trau dồi đạo hạnh. Muốn lập vị phải thực hành Tam Lập (lập công, lập đức, lập ngôn). Trong lập công có công phu, công quả, công trình. Tam Lập và Tam Công đều tác động lẫn nhau: Tự độ cho mình, trau tâm sửa tánh dần dần được minh tâm kiến tánh; còn phải biết độ tha để tạo phước đức (thương giúp người nghèo khổ, bệnh tật, neo đơn, thiên tai dịch họa). Đó là phước huệ song tu.

**NGUYỄN VĂN NGHĨA**

*Ninh Thuận (Bàu Năng) ngày 29-12-2015*

## ► NÓI THÊM

Hồi ức trên đây trích trong *Đại Đạo Văn Uyển*, Tập Hạnh (số 18), tr. 59-67, do Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo thực hiện, liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội: 2016).

Qua câu chuyện rất sâu sắc này, chúng ta biết hiền huynh Nguyễn Văn Nghĩa là con nhà đạo dòng, sớm gần gũi môi trường nhà đạo từ tấm bé nhưng lại nhập môn khá muộn.

Rõ ràng hiền huynh không vào đạo Cao Đài chỉ vì đơn giản noi theo truyền thống sẵn có của gia đình. Hiền huynh nhập môn bằng ý chí tự do chọn lựa của mình, chỉ sau khi bản thân tỉnh thức trước những trái nghiệm (hay những va chạm) trên đường đời.

Có người đến với Đạo bằng tâm, bằng cơ bút, bằng chiêm bao mạc khải... Còn huynh Nghĩa thì sao? Huynh đến với Đạo phải chăng bằng trí?

Chúng ta thấy huynh hay quan sát, suy tư, rồi tự tìm cách lý giải. Cũng do cái tánh hay truy vấn đó nên nhập môn rồi thì huynh vẫn siêng tìm tòi, suy tư để áp dụng đạo lý vào đời sống. Chẳng hạn, hiền huynh chỉ ăn chay trường sau khi đã tỏ ngộ cái lý lẽ sâu xa là tập thực hành đức nhân ái qua việc trường trai giới sát.

Chúng ta hẳn rất thích thú khi thấy huynh Nghĩa tự mình tìm kiếm lý đạo trong việc thờ Tam Trấn Oai

Nghiêm: *Đức Quan Âm tiêu biểu cho lòng từ bi. Đức Lý Thái Bạch tiêu biểu cho sự sáng suốt. Đức Quan Thánh tiêu biểu dũng mãnh oai lực, trung can nghĩa khí.*

Và hiền huynh lý luận: *Trên bước đường học đạo và hành đạo, người tu luôn bị lợi danh tài sắc cám dỗ, thử thách; bởi vậy mới gọi là trường thi. Nếu không hội đủ ba yếu tố Bi Trí Dũng, người tu khó mà thành chánh quả.*

Tóm lại, huynh Nguyễn Văn Nghĩa tu theo Cao Đài bằng chánh tín chứ không phải mê tín, hoặc a dua theo một ai. Để củng cố chánh tín của mình, huynh còn siêng năng tìm hiểu giáo lý qua kinh sách nhà đạo chứ không an phận giữ lệ cúng đủ tứ thời, ăn chay kỳ (hay chay trường) mà cho là đầy đủ bốn phận của một tín đồ.

Thấy một người tu theo Cao Đài với trọn vẹn chánh tín như thế, với lý và trí đề huề như thế, thì chúng ta tin chắc rằng dẫu gặp hoàn cảnh trở ngại đến mức nào chẳng nữa, người tín hữu ấy nhất quyết vẫn không nhạt đạo, không cải đạo, không bỏ đạo...

Xin nguyện cầu anh chị em chúng ta đều được nên như vậy, được thuần thành như hiền huynh vậy.

## CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

Liên kết Nxb Tôn Giáo (Hà Nội) và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2018. Đã ấn tổng:

- 01-3. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỂ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.
- 02-3. NGÔ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN / *Ngô Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 03-2. LỜI VÀNG SEN TRẮNG. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 04-2. LÒNG CON TIN ĐÁNG CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010. [Hết]
- 05-3. LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012. [Hết]
- 06-2. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỂ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008, 2010. [Hết]
- 07-1. CÁC THÁNH SỐ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008. [Hết]
- 08-2. BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012. [Hết]
- 09-2. LỄ BỔN. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận, 2008, 2009.
- 10-3. CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ. Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012. [Hết]
- 11-2. NHỚ ĐẠT LINH. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009. [Hết]
- 12-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965). Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009. [Hết]
- 14-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
- 15-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO. Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. THIỆN THƯ. Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012. [Hết]
- 19-1. XUÂN TRI ÂN. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010. [Hết]
- 20-2. CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Thanh Căn, 2010, 2012. [Hết]
- 22-2. TAM GIÁO VIỆT NAM – TIỀN ĐỂ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. ƠN GỌI MIỀN TRUNG. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013. [Hết]
- 25-3. CÂU CHUYỆN ĐỨC TIN. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.

26-1. NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO. Đơn Tâm, 2010.  
 27-2. HÀNH TRANG TIÊN BỐI CAO TRIỀU PHÁT. Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.  
 28-2. TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH. Huệ Khải, 2010, 2012.  
 29-2. DANH THẤY DANH ĐẠO. Đơn Tâm, 2010, 2012.  
 30-2. MỘT DÒNG BÁT NHÃ. Huệ Khải, 2010, 2013.  
 31-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU. Huệ Khải, 2010, 2011. [Hết]  
 32-1. NGÀI MINH THIÊN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP. Đại Cơ Huồn, 2010. [Hết]  
 33-2. TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012. [Hết]  
 34-3. THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012. [Hết]  
 35-1. XUÂN CHUNG TÂM. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011. [Hết]  
 36-2. ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.  
 37-2. NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI. Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 38-9. KINH SÁM HỒI MINH HOA. Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2017. [Hết]  
 39-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN. Huệ Khải, 2011, 2012.  
 40-2. SỨ MẠNG ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ. Đơn Tâm, 2011, 2012.  
 41-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013. [Hết]  
 42-2. NHỊP CẤU TƯƠNG TRI. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 43-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. Huệ Khải, 2011, 2012.  
 44-2. ĐỌC LẠI THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 45-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. Huệ Khải, 2011. [Hết]  
 46-1. TIẾNG CHIM QUYẾN. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.  
 47-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2011. [Hết]  
 48-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. Huệ Khải, 2011, 2013.  
 49-1. KINH CÙNG TỬ THỜI. Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011. [Hết]  
 50-1. XUÂN HÒA ĐỒNG. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012. [Hết]  
 51-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013. [Hết]  
 52-3. TU CỨU CỨU HUYẾN THẮT TỔ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.  
 53-1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / *Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950)*. Huệ Khải, 2012.  
 54-2. BẮC CẤU TÂM LINH. Huệ Khải, 2012, 2013.  
 55-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN. Huệ Khải, 2012, 2013.  
 56-1. ĐẠO LÝ HUYẾN CƠ. Thiện Bảo, 2012. [Hết]  
 57-1. LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI. Thiện Bảo, 2012. [Hết]

58-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. Đạt Đức, 2013, 2015. [Hết]  
 59-1. QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2013. [Hết]  
 60-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO. Đơn Tâm, 2013.  
 61-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. Thanh Căn, 2013, 2014. [Hết]  
 62-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013. [Hết]  
 63-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 64-1. ĐẠO ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.  
 65-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 66-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Nhiều người viết, 2013.  
 67-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.  
 68-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 69-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. Huệ Khải, 2013.  
 70-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH. Nhiều người viết, 2013. [Hết]  
 71-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014. [Hết]  
 72-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.  
 73-1. TƯỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ. Huệ Khải chủ biên, 2014.  
 74-1. HÀNH TRANG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ. Huệ Khải, 2014.  
 75-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. Diệu Nguyên, 2014. [Hết]  
 76-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014. [Hết]  
 77-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home*. Huệ Khải, 2014, 2017.  
 78-1. SƠ KHẢO BÀI KINH *NGỌC HOÀNG TÂM ẨN*. Lê Anh Minh, 2014.  
 79-1. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present*. Huệ Khải, 2014. [Hết]  
 80-1. VẠN HẠNH THIÊN SƯ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải kết tập, 2014.  
 81-1. THIÊN ĐÀNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN. Diệu Nguyên, 2014. [Hết]  
 82-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠO ĐẠO. Thanh Căn, 2014. [Hết]  
 83-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. Thiện Quang, 2014. [Hết]  
 84-1. NẾO VỀ TÂM LINH. Huệ Khải, 2014. [Hết]  
 85-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law*. Huệ Khải, 2014.  
 86-1. MẤY NHÁNH RỒI SAU CÙNG MỘT NHÀ. Phạm Văn Liêm, 2014.  
 87-1. NGỌN NÉN NÀO KHÔNG TẮT. Huệ Khải, 2015. [Hết]  
 88-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.  
 89-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaism in Public Life*. Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.

- 90-1. MINH THIÊN CHƠN KINH. Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.
- 91-1. LỊCH SỬ THÁNH THẤT CAO ĐÀI THỦ ĐỒ HÀ NỘI. Huệ Khải, 2015. [Hết]
- 92-1. HỒNG ÂN TẬN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.
- 93-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIẾM ẨN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926*. Huệ Khải, 2017.
- 94-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration*. Huệ Khải, 2015.
- 95-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.
- 96-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer*. Huệ Khải, 2015.
- 97-1. GỠI NGƯỜI ÁO TRẮNG. Trần Dã Sơn (thơ), 2015.
- 98-1. GIỮA CHỖN TA BÀ. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015. [Hết]
- 99-1. TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TAVỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment*. Huệ Khải, 2016.
- 100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016.
- 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016.
- 102-1. ĐƯỜNG VỀ THẤY. Đức Thuần, 2017.
- 103-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.
- 104-1. MÔNG CÁNH CHUỒN CHUỒN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.
- 105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.
- 106-1. MÔNG MẢNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017.
- 107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017.
- 108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN. Huệ Khải, 2017.
- 109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017.
- 110-1. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017.
- 111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
- 112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
- 113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
- 114-1. GỠI LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
- 115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.

Ghi chú: 115-1 tức là quyển 115, in lần thứ nhất. 38-9 tức là quyển 38, in lần thứ chín.

\* **ĐẠI ĐẠO VĂN UYÊN** (đã xuất bản 24 tập), Huệ Khải chủ biên (2012-2017). Từ năm 2018 rút gọn nhan đề là **ĐẠO UYÊN** (tập 25, 26...), mỗi quý ấn tống một tập. Bản điện tử xem

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI  
HUỆ KHẢI *kết tập*

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung  
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN  
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in: Diệu Nguyên, Lê Anh Minh  
Trình bày: Ngô Bái Thiên  
Vẽ bìa: Lê Anh Thư

In 3.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA  
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.  
☎ 028.38153971 – Fax: 028.38153297.  
Số XNĐKXB: 1198-2018/CXBIPH/15-22/HĐ  
Số QĐXB của NXB: 203/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 12-4-2018.  
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.  
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-3564-1